NĂM THỨ TƯ Số 160 Thứ năm 28 Septembre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

* Tùy-bút — *Song-Cối — Vân-Đài — Ngân-Giang — Giản-Chi — Hoa-Đường*
* Thu — *Hoa-Bằng*
* Thu về (phú) — *Ngân-Giang*
* Cuộc phỏng vấn ông Nghè Nguyễn-văn-Huyên với Văn miếu Hanoi — *Phạm-mạnh-Phan*
* Một bức thư xanh viết bằng lá mùa thu phương nam — *Mộng-Tuyết*
* Mùa thu với cuộc đời — *Kiều-thanh-Quế*
* Dịch thơ đường — *Phái-Giang*
* Sự tích tết Trung-thu — *Nguyễn-văn-Tố*
* Thu thịnh phú của Âu Dương Tu — *Nguyễn-hữu-Trí*
* Mồng tám tháng tám, ngày chúa Nguyễn Phúc-Ánh khắc phục Saigon lần thứ tư (I) — *Lê-thọ-Xuân*

0 $ 60

ĐẶC SAN VỀ

Thu (1944)

(TẬP THỨ NHẤT)

TÙY HỨNG

Khách thu lên đường...

Sớm nay lá báo thu sang
Hoàng-lan lác-đác rụng vàng trước sân.
Bên trời, xa hỏi « giai nhân » (1) :
Lòng thu ấy có tần-ngần vì thu ?

***

Sáo trời giào-dạt vi vu...
Tiếng đâu giục khách hải-hồ xa khơi.
Giá tung rồi ! Khói cao rồi !
Lên yên giong-ruổi, đường đời xông-pha...

***

Mây thu dệt nét là-là.
Khi thu chở lạnh theo xa cánh hồng.
Trời thu nhuộm sắc mông-lung.
Khách thu nhẹ bước lặn trong sương mờ...

SONG-CỐI
(Một sớm giữa thu)

1) Thư phong từ : « Hoài giai nhân hề bất năng vong ... »

Chiều thu

Cây bàng đã rụng lá bàng,
Cổng nhà ai đấy, có nàng nhìn xa...
Gió hồng gió tạt là-là.
Tóc nàng vướng mấy cánh hoa sang mùa.
Bên trời bầy ẻn lưa thưa,
Mây chiều bát ngát ...mơ hồ xa-xôi...
Tiều-phu gánh củi lên đồi,
Chuông chùa gần đấy dòng hồi thu-không !...
Quán đường heo hút lạnh-lùng,
Có người khép cửa thư phòng ngâm-thơ.

(Hướng Dương thu Giáp-thân)

NGÂN-GIANG

Trời thu đất khách

Xanh xanh một giải sông Tần,
Nước trôi lá thắm, non phân mây vàng.
Hồn quê một giấc mơ màng,
Mười năm tâm sự bể bàng gió đông.

HOA-ĐƯỜNG

Một sớm, rừng thu

Rừng sớm cây mờ đầm khói sương
Một trời u ẩn gót biên cương
Sông cài viễn mông mây tràn nước
Tim rụng hồn thu là ngập đường
Gió lạnh tâm can lùa trống trải
Tình buồn sông núi trĩu thê lương
Sương vương vó ngựa mờ nhân ảnh
Non hiểm sầu xa nẻo đoạn trường

VÂN-ĐÀI

Thu từ

Bốn cõi, hồn quyên bặt gió mây !
Võ vàng quá nửa lịch năm gầy.
Cánh hoa ngõ lội rơi mùa thắm ;
Đợi khói làng xa lạnh dáng cây.
Tin vắng, mịt mù mây núi bủa ;
Chiền lên mong nhớ nước sông đầy...
Thêm tuôn giòng lệ, duyên Ngân-Hán:
Rỏn rẹn lòng nương giọt mái tây...

GIẢN-CHI
(Gác trọ, một chiều đầu thu)

Thu

HOA BẰNG

THEO quan-niệm ta xưa, mùa thu là mùa túc-sái, thu-liễm, mà cũng là mùa kết quả thành-thục trọng một năm.

Về thi-cử, khoa thi thường mở vào mùa thu, cho nên gọi là « thu vi », hay « thu thí », hoặc « thu bảng ».

Về hình-ngục, có chế-độ « thu-thẩm ». Nguyên vì lối xưa, phàm những án tội phạm tử-hình ở các tỉnh, đều phải đệ trình lên bộ. Hằng năm, cứ đến tháng tám mùa thu thì bộ Hình hội-đồng các quan cửu khanh xét lại các án mà xử rất kỹ-càng, rồi tâu lên vua để vua ban chỉ quyết-định. Thiên *Ngũyệt-lệnh* trong *Kinh Lễ* cũng nói: « Tháng mạnh-thu (tháng bảy), giết kẻ có tội, nghiêm việc xử đoán hình-ngục. »

Về võ-bị phàm, những việc như mệnh tướng, tuyển sĩ, lệ binh... đều phải làm từ ngày lập-thu cả (1).

Về thương-mại, thì trong tháng trọng-thu (tháng tám) phải làm những việc như trao đổi hàng-chợ, nhóm-họp khách buôn, thâu nộp tiền-của để làm tiện việc cho dân, v. v. (2).

Về nông chính thì tháng quí-thu (tháng chín), phải tính cái số cốt-yếu do ngũ cốc đã thu vào được để giúp vào sự dùng trong nước, v. v. (3).

Về lịch-sử nước ta, thì có nhiều việc đã xảy hoặc ghi cho ta mấy nét vui vẻ, hoặc đánh dấu cho ta những vết đau thương, hoặc lưu lại cho ta những kỷ niệm oanh-liệt..

Thu lại có nghĩa là sầu muộn, ưu bi, nên dễ xúc-động tâm-hồn thi-sĩ.

Vì vậy, thu đối với ta, có một tính-cách rất đặc-biệt khiến ta chan chứa mối cảm, mỗi khi là « ngô đồng đã báo thu sang... »

Nay mở lại bộ Quốc-sử, ta thử xét qua xem mùa thu từ tháng bảy đến tháng chín ta xưa, đã xảy những việc quan-trọng gì.

Vua Trần Nhân Tông (1279-1293) là một vị anh hùng hoàng-đế, hai lần chiến thắng quân Mông-cổ, cứu dân khỏi vòng nước sôi lửa nóng, làm cho xã tắc vững âu vàng.

Công thành, thân thoái, không hám giàu sang, ngài thể gương đức Thế Tôn mà giác tha, độ tha để thực hành cả lý-tưởng « xả thân cứu thế ».

Sử chép: tháng 7 mùa thu (năm Trần Anh-Tông Hưng-long thứ bảy, 1299), ngài lên núi Yên-tử (4), xả thân ở Ngọa vân am (5).

Nhờ tấm gương thánh khiết của ngài cao treo như thế, đương-thời có những hiếu-thượng rất quí: coi thường lợi, danh, ai nấy sẵn lòng hi sinh cho nước.

***

Tháng 8 mùa thu năm Trần Anh-Tông Hưng-long thứ tám (1300), một cai tang chung gieo buồn vào khắp vua, quan, dân thứ: Tiết-chế thống-lĩnh chư quân Hưng đạo đại-vương Trần Quốc Tuấn mất (6).

Khi đức Trần Hưng đạo bị bệnh, vua Trần Anh-Tông (1293-1314) có đến thăm tận nhà ngài và hỏi mưu-chước giữ nước nếu một khi quân Tàu sang xâm. Trong những lời đáp lại của ngài, có mấy câu này đáng nâu mãi làm khuôn vàng thước ngọc cho thiên hạ hậu thế: « ... Nới rộng sức dân để làm cái chước sâu gốc vững nền: đó là phương-sách cốt nhất để giữ nước. »

***

Cũng tháng tám mùa thu, nhưng là mùa thu năm Bình định vương thứ chín (1426), Bình-định vương Lê Lợi chia sai chư tướng đi lược đất các lộ ở Đông đô.

Nguyên từ năm mậu-tuất (1418), đức Lê Lợi dấy quân nghĩa, đánh giặc Minh, rồng-rã gian nan đã 9 năm trường. Bấy giờ ngài thấy quân tình nhuệ của người Minh ở cả Nghệ-an, Đông-đô thì trống rỗng và suy yếu, ngài bèn sai lũ thái-úy Lý Triện, khu-mật Phạm văn Xảo, thái-giám Trịnh-Khả và Đỗ Bí ra trấn Thiên-quan (7), lược đất Quốc-oai, Quảng-oai, Gia-hưng, Quy-hóa, Đà-giang, Tam-đới, Tuyên-quang để tuyệt viện binh Vân-nam; lũ thiếu-úy Lưu-Nhân-Chú (8) và Bùi Bị ra trấn Thiên-quan, lược đất Thiên-trường, Kiến-

xương, Tân-hưng, Thượng-hồng, Hạ hồng, Đầu-giang, Lạng-giang để tuyệt viện binh hai tỉnh Quảng (Quảng-đông, Quảng-tây); lũ tướng Đinh Lễ, Lê Xí thống suốt toàn quân tinh-nhuệ kế tiếp kéo ra, thẳng kẹp ở Đông-quan (9) để phô trương thanh thế, rồi sau mới thừa cơ tiến lấy

Các đạo binh ấy, đi đến đâu, quân lệnh cũng rất nghiêm, không phạm của dân một mảy tóc. Thổ-tù ở duyên biên các lộ Đông-đô, ai cũng vui-vẻ, bằng lòng.

Quân lũ Lý Triện từ Quốc-oai, Tam-đái sắp sửa bức-bách thành Đông-quan; Minh tham-tướng Trần Trí đem hết quân ra Ninh kiều (10) và Ứng-thiên (11) để chống cự lại. Lũ Triện, Xảo Khả và Bí họp sức, đánh hăng: quân Trí phải thua chạy.

Lũ Lý Triện tiến đóng ở bờ phía tây sông Ninh-giang, chợt nghe biết bọn vạn viện-binh Vân-nam nhà Minh sắp đến thành Tam-giang, mà quân Lễ, Xí chưa đến! Lũ Triện sợ rằng binh hai lộ họp lại thì mình khó chế, bèn chia ra hơn nghìn quân để bọn Xảo, Khả kéo lên phía trước đón chặn quân Minh, còn mình thì đem vài nghìn quân tinh-nhuệ cùng lũ Đỗ Bí nhân thế thẳng, đuổi quân Trí đến làng Nhân-mục (Mọc), bắt được Minh đô tư Vi-Lượng, chém được hơn nghìn thủ-cấp, rồi lại quay về Ninh-giang, cùng bọn Xảo cùng làm thanh-viện cho nhau. Lũ Xảo đến cầu Xa-lộ, gặp quân Vương An-Lão, đô tư Vân-nam, liền đón đánh, cả phá quân Minh, chém và bắt sống được vô kể. Quân còn sót lại của giặc phải lui vào giữ thành Tam-giang (12).

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm hiểu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

***

«Mùa thu tháng chín...»

Nhưng không phải là *«mùa thu tháng chín... lên chơi núi»* như ai, mà là *«mùa thu tháng chín»* làm việc đánh Minh do Bình-định vương Lê-Lợi điều-khiển chỉ-huy bên sức ủng-hộ của chư tướng và dân-chúng.

Sở là, bấy giờ là tháng chín mùa thu năm bính-ngọ (1426), Trần Trí nhà Minh vì thấy thành Đông-quan cô thế và nguy-ngập, bèn ruồi thư cáo cấp với bọn tướng Minh đang đóng ở Nghệ-an, bảo lũ Phương-Chính về cứu Đông-quan là chỗ căn-bản. Lũ Chính liền để Sái Phúc ở lại giữ Nghệ-an, còn mình thì vượt biển về Đông-quan.

Nhân dịp ấy, Bình-định vương khởi ngay thế công. Ngài lưu lũ Lê Ngân, Lê Văn-An, Lê Bôi, Lê Thận, Lê Văn Linh họp sức vây thành Nghệ-an, ngài tự thống-suất đại quân, hai đường thủy lục cùng tiến, đuổi theo Phương-Chính. Đến Thanh-hóa, Chính phóng thuyền, xa trốn ra ngoài biển khơi. Bình-định vương bèn lược đất Tây-đô. Tri-châu La Thông đóng chặt vách thành, cố giữ không chịu hàng. Ngài đóng quân ở Lỗi giang, ủy-lạo các tướng sĩ, ban thưởng cho các thân thích và cố-cựu ở quê làng. Sĩ dân Thanh-hóa đều tình-nguyện tòng quân (13).

Ấy, xét qua lịch-sử, mùa thu ngày xưa đã có những việc trọng-đại như thế đó.

***

Trần Ninh-vương Quốc Tảng, là con thứ đức Trần Hưng-đạo, dự công hai lần đánh đuổi giặc Mông-cổ, được coi giữ việc quân dân ở Hồng-lô, làm đến Hải-đạo Thái-bình trại tiết-độ sứ; sau lui ở phong-ấp Tĩnh-bang (đời Lê là xã Yên-quảng thuộc Vĩnh-lại), đổi làm Vạn-niên thôn, tự hiệu là Tuệ Trung thượng-sĩ (14). Ngài là người khí lượng uyên thâm, phong thần nhàn nhã, sốt sắng mộ đạo Thuyền, làm sáng được pháp-chủng của nhà Phật. Trong bài *Khuyến thế liên đạo*, ngài có hai câu rằng:

(Xem tiếp trang 23)

1, 2, 3) Lễ ký thề chú đại toàn hợp tham. — *Phạm Tử-Đăng tiên-sinh nguyên bản* — *Đông-lang Cha Đản-Lâm bản đính* — *Bản-nhà tàng bản* — *Khang-hi tân-mão thu* — *Thiên Ngoyệt-lệnh, tờ 41b-45b.*

(4) Thuộc huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương.

(5) «Khâm-định Việt-sử», chính biên, quyển 8, tờ 28b.

(6) «Khâm định Việt sử», chính biên, quyển 8, tờ 31 a b.

(7) Sau đặt làm phủ, thuộc tỉnh Ninh-bình.

(8) Có âm nữa là «Thụ».

(9) Tức thành Thăng-long (nay là Hà nội)

(10) Ở phía tây phủ Giao-châu.

(11) Nay là phủ Ứng hòa.

12) Khâm-định Việt-sử. chính biên quyển 13 tờ 24 a 25 b.

13) Khâm định Việt-sử, chính biên quyển 13. tờ 26 b 27 a.

14) Thượng sĩ ngữ lục, tờ 32b, 33a 47b.

Thu về...

(viết theo thể phú)

của NGÂN-GIANG

« Gió thu hoa cúc gầy rồi ! »
Từ-trầm-Á

Hoa cúc gầy rồi, non vàng xa khơi.
Nắng hạ chóng tàn, hồ cũ hơi hương gắn nhạt.
Tin thu đưa lại, ngô đồng một lá vừa rơi!...
Rặng liễu bên tường, cái gió sang mùa chớm lạnh;
Giòng sông trước cửa, trận mưa đổi tiết đầy vơi.
Sương thu giá áo, mây thu ngang trời.
Chốn đài-trang bối-rối ruột tằm, trăng thu một mảnh.
Ngoài quan-ải xòng-pha vó ngựa, sầu thu dòi nơi.
Ai nhớ mỹ-nhân xa, đâu một phương trời?
Ai nhớ cố nhân xa, chẳng mấy ngàn khơi?
Ngọn cờ ai phấp-phới, bóng thuyền ai chơi vơi?
Một kiếp giai nhân, mơ thu mấy độ!
Ngàn xưa danh-sĩ, cảm thu bao người?...

Những gặp nhau bên dải Ngân-hà, duyên oan Thượng giới, rồi biệt nhau ngang cầu Ô-thước, lệ ướt trần gian. Đến Tầm-dương trăng nước một con thuyền, ngàn tình ca-nữ! Thềm nguyệt-điện, xiêm-y bao điệu múa, tiếc mộng quân-vương.

Sông Xích-bích, sông Tiền-đường, hoa hương mấy chuyến lạc-loài, ngọn triều gieo ngọc; danh sĩ hai lần cảm-hứng, chén rượu pha sương.

Lời thiêu thành gấm,
Duyên đan lối đường.
Trăm năm sử-sách,
Ngàn thu phấn hương.

Lại nữa: Thơ Đỗ phủ ngâm xong mấy vần, bút Thiếu-Lăng viết trọn tám chương. Lau lách dìu hiu, thu hứng cao dâng với khói. Trời mây bàng-bạc, thu tịnh kinh gửi trong sương.

Gió đến ngại-ngùng bộn lữ-quán,
Người về lững-thững dưới tà-dương!..

Rồi nữa: Lợi danh vướng mắt, về thôi, vườn nở hoa vàng! Trăng gió qua ngày, say đấy, rượu đang chén ngọc. Chớm quanh hồi thu, hồ rơi tiếng móc.

Người quốc-sĩ canh gà đợi sáng, lưỡi thép mài trăng. Khách cung-nhân vườn ngự chờ vua, hàng mi rơi ngọn. Gấp bải-hồ, ngọn gió vừa lên. Vòng kim cải, tin sương đã gọi.

Trăng cũ thanh bình,
Trời xa ngang dọc,
Còn mai kiếm cung,
Dâm bồng tơ-tóc.

Và đây: mây thu lạnh giòng nước Cẩm-khê, bóng dang chính-khí.

Khói thu mờ đây hồ Lăng-bạc, ngát đọng hương hiên.

(Xem tiếp trang 17)

Cuộc phỏng vấn của Tri-Tân

ÔNG NGHÈ NGUYỄN VĂN HUYÊN VỚI VĂN MIẾU HANOI

PHẠM MẠNH PHAN

Một buổi sớm mai dưới bầu trời hơi ẩm đi ô Nguyễn văn Huyên văn hoa tế sĩ đã tiếp tôi trong căn buồng gây của ông ở trường Viễn đông Bác Cổ.

Trước khi được gặp ông lần đầu tiên tôi hình dung trong tưởng tượng, ông Nghè Huyên là một người lạnh lẽ với những cử chỉ thường có của các bậc hành nhân đã từng du học nơi hải ngoại.

Và điều tôi tin nhất có lẽ ông Nghè tôi đến phỏng vấn sẽ tiếp chuyện tôi bằng tiếng pháp như nhiều người tôi đã gặp.

Nhưng tôi đã lầm.

Vì người ở đây tiếp chuyện bữa nay có một vẻ điềm đạm đơn giản và phong nhã. Mái tóc tơ của ông nhòn hơ trước gió thu tô như cảm thấy một vẻ hiền hậu phảng phất trên khuôn mặt của bậc thiếu niên anh tuấn.

Suốt từ đầu câu chuyện tôi lúc ra về tôi có ý nhận ông Huyên dùng toàn tiếng mẹ đẻ và không hề xen các tiếng pháp vào như thói quen đáng phàn nàn của phần đông anh em tân học.

Sau khi ông hỏi thăm qua về tình hình đời sống của Tri Tân và nói lướt đến phong trào sách báo hiện thời, tôi liền lựa ở đó ông vào câu chuyện tôi muốn hỏi.

— Thưa ngài hôm nọ bạn Tên Đàm có nói ngài đặc biệt chú ý đến văn miếu Hanoi nay nhân cho ra số đặc biệt về thu tôi mong được ngài cho nghe về câu chuyện đó.

Bằng một giọng thư thả, ông Huyên nhẹ nhàng vào chuyện:

— « Vâng, nói đến Văn miếu ở Gám thì là buồn tẻ. Chả vì gì có lúc ngài đi qua và nếu tò mò ngài vào trong đó thì thấy hiện ra một cảnh tượng cổ mọc rêu phong. Chỗ thờ đức Khổng Tử và các bậc tiên hiền là nơi các con dơi làm tổ và các chim chóc vẫn hằng ngày tháng đi về. Một không khí ảm đạm, ẩm thấp tỏa khắp các căn phòng khiến du khách phải vội vàng trở bước!

« Ở ngoài thì Khuê văn các là chỗ hẹn hò của các trẻ đến đấy tình nghịch nếu không là nơi trăng gió của các cặp tình nhân. Chỉ xuân thu nhị kỳ các quan chức tỉnh Hadong mới tới đó tế lễ, họ mới sửa sang cỏ mọc ở các lối đi chỉ lối đi thôi còn nơi khác, có khi cỏ dại ngập đầu người...»

Ngạc nhiên về sự hoang vu ấy của văn miếu tôi vội hỏi ông Huyên:

— Thưa ngài, nếu tôi không lầm thì văn miếu thuộc vào các đền đài của đất nước do trường Bác Cổ trông nom?

Ông Huyện thư thả phân trần:

— « Trường Bác Cổ chỉ trông nom gìn giữ về phương diện kiến trúc còn muốn sửa chữa hay tu bổ gì thì lại thuộc vào quỹ Hadong. Trường Bác Cổ không có tiền. Theo điều ước 1884, thành phố Hanoi là một nhượng địa cho nước Pháp đây có khu văn miếu là của nước Nam. Người ta đã không nhận nhận gì đến văn miếu lại có khi làm những việc vô ý thức. Một giáo có người đã định lấy ít đất quanh văn miếu cho một hội làm hội quán nhưng may việc đó không thành.

« Hiện nay văn miếu ở Gám chỉ là vài chỉ của một làng to mà trong đó các văn thân không ai nghĩ tới! Theo phong tục các quan chức Hadong xuân thu nhị kỳ phải tế lễ Hadong không có văn miếu nên phải tế ở Hanoi.

« Tuy ở Hadong có ban văn miếu song vì phạm vi chật hẹp nên chưa làm được việc gì đáng ghi.

« Chính thực ra văn miếu không phải của riêng tỉnh Hadong, không phải của Hanoi mà là của cả toàn quốc, không phải của riêng phái cựu học hay tân học mà là của hết thảy người Việt nam vì đó là di tích của các bậc tiền bối có quan hệ đến lịch sử văn học nước nhà.»

Đồng ý kiến ấy với ông Nghè Huyên tôi ngỏ lời ông:

— Chúng tôi bàng nghĩ việc bảo tồn văn miếu là một việc có ý nghĩa, vì nếu cứ để như mưa nắng tàn phá với cảnh hoang vu hiện tại thì sau này ngày thêm đổ nát. Nếu có

(Xem tiếp trang 18)

MỘT BƯC THƯ XANH

VIẾT BẰNG LÁ MÙA THU PHƯƠNG NAM..

... Người Mặt Trăng non ngày đang thu

MỘNG TUYẾT

Chị Bân,
Còn nhớ nghĩa năm Tàu
thuở trước
Để thơ trên chiếc lá tương tư
Sáng nay muốn gởi thư theo lá
Đợi mãi thu về, là chẳng khô!

Đợi mãi thu về lá chẳng khô; lá chẳng khô cho thì đành hái lá xanh mà biên thư cho chị vậy. Huống chi, duyên kỳ ngộ của chúng ta là tự ngày còn để trái đào kia chứ. Mặc dầu mắt xanh bại đỏ, trong trần ai mới lại gặp nhau đây, thì có cần chi một giòng nước chảy về mà thả đưa cái tờ lá thắm cho nhau!

Lâu nay, nhận luôn những lá thư trắng viền một khung đen não nuột ấm thầm đó, bình như chị nghĩ rằng cái khung đen kia có một thời hạn rồi thì sẽ phai mất đi, và biết đâu lại không thay vào bằng những cái khung tím tím hay hồng hồng.

Sự đó chưa biết bao giờ mới có được, chị Bân ạ! Chiếc áo trắng với giải khăn sô, đến thời kỳ chị đã đành là xin xếp lại, mà tang tóc ở lòng thì có bao giờ mãn hạn đâu.

Cái tinh thần này, quả nửa là nhờ ở người chị thân yêu mà có. Người chị đã mất đi, mang theo cả một nửa linh hồn của người em gái ân yêu độc nhất.

Đó là những chuyện sâu kín của lòng, đem nói với chị, chỉ vì chúng ta đã nhận đôi bạn tự kiếp xưa, một chút lòng ấu u-ẩn không lẽ còn phong kín làm chi. Biết cho như thế, sau này chị có còn nhận được hoài hoài những lá thư u buồn của bạn, chị sẽ khỏi ngạc nhiên.

Thư hôm nay không viết ở tờ tang óc cũ mà lại viết trên những lá thu xanh này, sự bất thường đó là có ý muốn đánh dấu cho một giai đoạn mới trong chỗ giao tình của chúng ta.

Bắt được thư tất chị cũng nghĩ như thế mà sẽ đón nhưng lá thư xanh này bằng tất cả niềm âu yếm.

Tuần trăng trước, chị về chơi bến cũ, cái bến cũ có hòn đá bên mé nước, giống như phiến đá giặt lụa ở Trà-la thôn, để mà thầm một người bạn xưa, quên lòng mà chưa quên mặt. Ôi! nhìn mà chẳng hỏi!..

Lúc bấy giờ là áo cuối mùa hạ, cuối hạ như giống mà sen vẫn chưa hoa, thời tiết ở đây rất là chậm hạp.

Chớ nên, bấy giờ là giữa thu đây, mà ấu vẫn còn giữ nguyên nhiệt tình của chị khi thuyền ở bến này. Nói là « cuối hạ » là « giữa thu » cho có văn vẻ một chút, thu hay hạ là tính tháng tiết theo âm lịch mà gọi cho vui đó chứ! Nếu muốn nói theo thời tiết thì nên gọi là đầu mùa mưa và giữa mùa mưa thì mới đúng nhỉ?

Bây giờ, sáng nay trở dậy, bạn chị có công việc là đi đưa ma một người ở hàng xóm. Đám ma, lẽ thường có mấy người đi đưa họ đi cách khoảng và gánh đoạn như bọn người đi chợ vậy. Trong bọn « người về chợ » đó bạn chị đang đi thung dung như đi du ngoạn.

Đọc đến đây, tất chị ngạc nhiên sao mà người bạn đa sầu của chị lại có thể đi « du ngoạn » được trong một cuộc đưa ma. Chính bạn chị cũng không giải nghĩa được chỗ đó nữa. Bởi vì, lâu nay có một lần đi đưa ma nào mà không khóc theo tang chủ đâu.

Thế mà hôm nay mắt vẫn sáng, lòng vẫn yên. Có lẽ là bởi người xấu số này khi sinh tiền vốn đã khô cỗi cảm tình. Sự có mặt ở đây là chỉ vì tình lân lý mà thôi.

Lại cũng bởi trời sang nay đẹp dịu như cô hơi thu của xứ Tấu Đường Tống bằng bạc đâu đây. Và cũng bởi đám ma

Xem tiếp trang 10

Tùy bút

MÙA THU VỚI CUỘC ĐỜI

KIỀU-THANH-QUẾ

...Đời tôi thường có những giai đoạn cực kỳ hoan ngộ, trong đó thần trí, mẫn cảm và lương năng của tôi dập dồn một cách hỗn độn, để cung cho tôi một niềm khoái trá thi vị không bờ bến...

Vào những hôm tôi vượt khỏi sự sống thường lề (có khi là sau một cuộc viễn du, có khi sau một đêm vui, có khi chỉ là một cuộc dạo mát thần thơ giản dị) tôi cảm thấy đời tôi đầy đủ quá : những giới hạn cố hữu của bản ngã tôi, bấy giờ, không còn thấm tháp vào đâu đối với tôi nữa. Một cái gì, ở tôi, nó thúc bách tôi, nó giục giã tôi, hay nó xua đuổi tôi xuất ra khỏi da thịt tôi : tỉ như con nhộng thoát ra khỏi ổ kén nhốt nó vậy. Mỗi lỗ chân lông trong khắp chân thân tôi tự bé to ra, các dây thần kinh trong cơ thể tôi phút chốc đã biến thành những chiếc móc sắt trui lửa nóng hôi hổi. Nhất thời nhất tôi, tai tôi không biết chiếm được ở đâu một mẫu cảm kỳ bí, một sáng suốt lạ lùng..

Vào những hôm lạ lùng ấy, dường như có một luồng điện nó kết chặt tâm hồn tôi, thể phách tôi lại với tất cả sự vật trên đời ; và dường như có một hiểu kỳ đột ngột và bệnh hoạn nó khang tâm hồn tôi vào tâm hồn vũ trụ..

Gió thu mang hơi thu ngậm ý thu thấm từng nhịp đậu xuống tâm hồn tôi đang lâng lâng bên cạnh cỏ cây nạm vàng bởi ánh trăng rằm tháng tám. Mùa thu không bao giờ rõ rệt ở Nam-kỳ, nhưng với những bước đi nhung thấm của nó vẫn len lỏi được vào tâm hồn tôi : vì nhân loại đã có một nền văn chương. Mùa thu lý tưởng của văn chương đối với tôi còn « thật » hơn mùa thu của tạo vật. Các thi nhân đã tạo một mùa thu đẹp còn hơn mùa thu của Hóa-công.

Thu Nam-kỳ tuy không bao giờ có « *ngô đồng nhất điệp lạc* » để cho « *thiên hạ cộng tri thu* » nhưng vẫn có đủ màu sắc thu trong lòng một kẻ mến thu như tôi.

Đẹp và Thật bao giờ cũng phải đi đôi. Đó là một quan niệm thẩm mỹ, nhưng chẳng phải bao giờ cũng đúng. Ở đời, thiếu chi vái chỉ đẹp trong mộng-ảo. Thế nên ta đừng vội trách thi sĩ Lưu trọng Lư vẽ bình ảnh mùa thu bằng :

..Lá thu kêu sào sạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô...

Hình ảnh mùa thu ấy đã đưa tâm hồn ta sang tận Phù-tang tam đảo, để ngắm « con nai vàng ngơ ngác » trước cửa đền Nại-lương (Nara).

Nếu ta muốn mộng một mùa thu trên đỉnh Vu-sơn, Vu-giáp ở xứ Quỳnh-châu đất Tàu, ta chỉ việc dò theo bức địa đồ vẽ tự nghìn xưa của Đỗ-Phủ :

秋興

林森湧陰淚心尺砧甫
樹蕭天地日圓刀暮杜
楓氣秉接他故催急
傷峽浪雲開繫處高
凋巫波風兩一處城
露山間上菊舟衣帝
玉巫江塞叢孤寒白

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu-giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai : thu nhật lệ,
Cô chu nhất hệ : cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch-đế thành cao cấp mộ châm.
(Thu hứng)

Hình như cụ Nguyễn công-Trứ đã dịch nghĩa để cho các đào nương hát trước bài *Tì-bà-hành* của Bạch cư-Dị, như vầy :

Lác đác rừng phong hạt móc sương,
Ngàn non hiu hắt khí thu già.
Lưng trời sóng gợn, lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn vơi giòng lệ cũ,

Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ dao, thước,
Thành quạnh, chầm gieo, bóng ác tà.

Những vần « Thu hứng » trên đây, Đỗ Phủ làm khi bị giáng chức ở Quỳnh-châu, và trong lúc đứng ở mặt thành nhìn cảnh vật. Phong là một giống hương thụ ở Quỳnh châu rất nhiều. Lúc ấy sương xuống, lá cây *phong* đã vàng. Khí thu già đã hiu-hắt trên dải Vu-sơn, Vu-giáp. Con sông từ núi Vu-giáp chảy xuống, xa xa gợn sóng và như liền với lưng trời. Cửa ải thành lập trên đỉnh Vu-sơn với những ráng mây mờ mịt như liền với mặt đất. Đỗ Phủ ở Quỳnh-châu trong hai năm, tức là trong hai lần cúc nở (*lưỡng cúc lưỡng khai*) lại quê nhà, tất phải nhớ nhà mà hai lần tuôn giòng lệ cũ. « Mối tình nhà », tấm lòng tư cố hương của Đỗ Thiếu Lăng như con thuyền lênh đênh mặt nước mong có ngày được [illegible] chặt lại. Ngày ấy biết đến bao giờ mới có? Hiện mùa thu sắp tàn tạ. Đông sắp sang. Lạnh lắm! Trên Bạch-đế thành, chiều tối, tiếng đập vải nhanh như giục những kẻ hay dùng dao, thước phải mau sắm quần áo mặc lạnh. (Theo sách *Kinh châu đồ kỷ*, ngày xưa Công-tôn Thuật chiếm đất Thục, xưng là Bạch-đế, đắp thành ấy, phía Đông-nam cao 200 trượng, phía Tây-bắc cao 1000 trượng) Mùa thu tàn nơi quan-tái ấy của đất Tàu thật thê lương ảm đạm!

Thu tàn là bắt đầu một thời kỳ quê lệ trong những ngày đông giá rét mang bao nhiêu ẩn ngữ chết đến cho ông ta:

Oui, dans ces jours d'automne
où la nature expire,
A ses regards voilés, je trouve plus d'attraits!
C'est l'adieu d'un ami, c'est le dernier sourire,
Des lèvres que la mort va fermer pour jamais.
Ainsi prêt à quitter l'horizon de la vie,
Pleurant de mes longs jours l'espoir évanoui,
Je me retourne encore et d'un regard d'envie,
Je contemple ces biens dont je n'ai pas joui.
Terre, soleil, vallons, belle et douce nature,
Je vous dois une larme aux bords de mon tombeau.
L'air est si parfumé, la lumière est si pure!
Aux regards d'un mourant le soleil est si beau!

(Lamartine)

Ngày thu cảnh tượng tiêu sơ,
Càng xem ủ dột, cẳng ưa dìu dàng!
Khác chi bạn già lê thê đàng,
Hay người gần xuống suối vàng nuối ai.
Như ta đành phải xa đời,
Lòng sầu mạng bạc lụy rơi cõi già,
Chạnh tình ngảnh lại ngó qua,
Của chưa hưởng trước quí đà theo sau
Trời thanh đất lịch một bầu,
Mồ hoang hầu gởi, giọt sầu xin dâng!
Gió thơm ngát, bóng trong ngần!
Kẻ gần thác, ngắm dương trần tốt thay!

Nguyễn Ngọc Ân dịch

DỊCH THƠ ĐƯỜNG

秋景今宵半
天高月倍明
南樓誰宴賞
綵竹奏清聲

Trung-thu

Thu cảnh kim tiêu bán,
Thiên cao nguyệt bội minh.
Nam lâu thùy yến thưởng?
Tì trúc tấu thanh thanh.

ĐỖ PHỦ

Dịch

Cảnh thu nay đáng nửa rồi,
Trăng thời thêm sáng, trời thời thêm cao.
Lầu nam ai rót rượu đào?
Tiếng tơ, tiếng trúc thanh lao dịp dàng.

PHÁI GIANG

***

— Cái đẹp không bao giờ bền bỉ cả. Mộng rồi cũng có lúc phải tan! Người ta cố bám lấy mộng ảo để sống. Vô lý. Nhưng phải thế! Nếu không đời còn nghĩa lý gì? Ước chi cuộc đời cứ là mùa thu mãi mãi!...

KIỀU THANH QUẾ
(An ngãi, một đêm tháng VIII ất)

SỰ-TÍCH TẾT TRUNG-THU

Ông-bàn NGUYỄN-VĂN-TỐ

Theo âm-lịch ta đang dùng bây giờ là lịch nhà Hạ (khoảng năm 2205-1766 trước T.-C.), thì tháng bảy, tháng tám, tháng chín là mùa thu. Nếu theo lịch nhà Thương tức Ân (1766-1122) lấy tháng chạp làm tháng giêng, thì mùa thu ngang với tháng sáu, tháng bảy, tháng tám. Lịch nhà Chu (1122-250) lấy tháng mười một làm tháng giêng, thì mùa thu ngang với tháng năm, tháng sáu, tháng bảy: sách *Mạnh-tử* có câu « Thu dương dĩ bộc chi » nghĩa là phơi nắng đữ mùa thu. Ông Triệu Kỳ chú là « mùa thu ấy tức là mùa thu của nhà Chu, so với nhà Hạ là tháng năm, tháng sáu, tháng bảy là mùa hằng dữ ». Đến lịch nhà Tần (246-207) lấy tháng mười làm tháng giêng, thì mùa thu ngang với tháng tư, tháng năm, tháng sáu.

Tết rằm tháng tám vào giữa mùa thu, cho nên gọi là « tết trung thu » hoặc « tết trẻ con » hay « tết trông trăng ». Các nhà làm mộng tương lai đều rằm tháng tám để nghiệm vụ lúa năm sau như trăng trong thì được lúa mùa, trăng đục thì được lúa chiêm; nếu không có trăng thì mất cả hai vụ. Đấy là theo câu ca-dao: « Tỏ trăng mười bốn được tám, tỏ trăng hôm rằm thì được lúa ta ». Còn điển tích của tàu thì có chú « Vọng nguyệt đài » về đời Đường Minh-hoàng tức Huyền tông (713-755) như sau này: « Đêm rằm tháng tám âm lịch (không chép rõ năm) Minh-hoàng cùng Dương Quý phi đến ngồi Thái dịch (ở trong cung-điện nhà vua) dựa vào lan can trông giăng không xiết, ý vua kiêng vui, bèn sắc các quan lấy lưu đắp riêng một cái đài cao hơn trăm thước ở bờ phía tây ao Thái-dịch, để năm sau vua cùng Dương phi trông giăng. Nhưng vì cỏ loạn-Lộc-sơn, nên đài trông-giăng không xây được... » Cứ như vậy thì chữ « trông giăng » của Tàu chỉ có nghĩa là chơi vui mà thôi, không có ý chiêm-nghiệm như của ta.

Sách thường chép tết tháng tám do điển-tích « Đường Minh-hoàng mộng thấy lên chơi cung Quảng-hàn ». Điển tích ấy dịch ra như sau đây: « Năm thứ sáu hiệu Khai-nguyên (718 sau T.-C.) đời Đường, vua Minh-hoàng cùng với thiên-sư họ Thân và đạo-sĩ họ Hồng, nhân đêm rằm tháng tám, thiên sư làm phép, ba người cùng lên trên mây dạo chơi trong cung giăng. Minh-hoàng đi qua một cái cửa lớn ở phía trong cung Ngọc-quang, thấy mình như bay vào trong cung điện, đi đi lại lại trong chừng giờ, khí rét đến run cả người, sương móc sa xuống ướt đầm mũ áo. Đi một lát nữa, trông thấy một tòa lâu đài rất cao lớn, ngoài cửa có bảng đề mấy chữ « Quảng hàn thanh hư chi phủ » nghĩa là cái phủ trong, rét, trong sạch, hư không. Quân canh gác rất nghiêm, những lưỡi sắc và mũi nhọn trông trắng như tuyết đọng. Lúc ấy thì người hầu đứng chân ở dưới không vào được. Thiên-sư dắt Minh-hoàng đứng dậy bay vào trong đám mây mù, trông xuống thành vua cao vời-vợi, chỉ thấy mùi hương thơm mát, trông như một cảnh mộng muôn dặm đầy ngợ: Đâu đó, trông có người đẹp và đạo-sĩ, cưỡi mây cưỡi hạc, đi đi lại lại như chơi đùa. Một lát đứng lại trước mặt Vua, sắc trong rành sáng suốt, chiếu thẳng vào mình Vua. Vua càng thấy rét run không cố tiến lên được nữa. Mới dưới chân hơn mười à tiên nữ, đẹp mặt áo trắng cưỡi chim loan trắng, đi lại múa cười ở dưới cây quế lớn trong cung Quảng-hàn.

Nghe tiếng nhạc kêu vang mà sắt trong triều Minh ngang là người hiểu âm luật, xem đến đâu nhớ đến đấy. Một lúc lâu thiên-sư muốn về, ba người đều xuống như gió tuôn rồi tự nhiên tỉnh, nghĩ lại như chiêm-bao trong lúc say sưa. Đêm hôm sau Minh hoàng lại muốn đi, nói với thiên-sư làm phép, thiên-sư chỉ cười, không chịu làm phép. Minh-hoàng nhận tưởng tượng đến những quần áo và điệu múa của bọn tiên-nga, ở trong giấc biên chép thành bài, chỉ ra khúc múa *Nghê thường vũ-y* từ xưa đến nay không có điệu nào thanh cao mà tốt đẹp hơn.

Sách lịch chép rằng: « Năm Đường Minh-hoàng lên cung giăng,

nghe nhạc, đổ về, biến được một cửa, gặp bấy giờ ở Tây-lương có tiết-độ-sứ Đô-thống Khúc-Thuật đang khúc nhạc *Bà-la-môn*, điệu hát giống nhau như in, bèn lấy những câu hát ở cung giáng làm tên thể chỗ khúc *Bà-la-môn*.

Những điển tích trên này dịch theo tập *Thiên bảo di sự* và tập *Lỗng thành lục* trong bộ *Đường đại tùng thư*, so với các bản chữ tây và quốc-ngữ xưa nay thấy khác nhiều, nên phải dịch lại.

Cứ xem chuyện Đường Minh-hoàng mộng lên chơi cung Quảng-hàn, thì vài tục ăn tết trung-thu của ta chắc là theo Tàu từ đời Đường, vì ta bị Bắc-thuộc mãi đến đời Đường. Nhưng sách nho không chép rõ, chỉ thấy quyển *Tang-thương ngẫu-lục* (tờ 4 a-b) kể lại một truyện từ đời Lê sau này. *Tang-thương ngẫu-lục* là sách của ông (Phạm-đình-Hổ và Nguyễn-Án. Bài *Vương-phủ cố-sự* (việc cũ ở phủ chúa Trịnh) của Nguyễn-Án chép rằng: « Sau khi đinh-cách (đinh là lấy mới, cách là bỏ cũ, hợp làm vào đổi đời, gọi là đinh-cách), có một người nhà bếp đến làm thuê vào tối (Nguyễn-Án) người ấy là nội-thị của Trịnh Tĩnh-vương (Trịnh-Sâm) (1767-1782) nói chuyện việc cũ trong cung được rõ ràng. Mỗi năm về tết trung-thu, vài tháng về trước chúa xuất gấm trong nội, đưa cho thuộc-cung chế tạo các thứ đèn lồng hàng nghìn hàng trăm cái, tinh-tế kỹ-xảo hết sức, mỗi cái đèn ước tới vài mươi lạng bạc. Đến ngày rằm (rằm tháng tám) chúa truyền lệnh chơi Bắc-cung, trong cung có một cái ao, gọi là « Long-trì », rộng chừng nửa dặm, sen ấu mọc đầy. Cạnh ao đắp đất chồng đá làm núi, chỗ lồi chỗ lõm cái nào phía trước phía sau cũng có thế-địa đẹp đẽ. Có nơi gọi là « Hữu ao » để cho nhạc-công ngồi hát và thổi sáo. Bờ đê giăng đến hàng trăm gốc phù dung dương liễu, treo đèn ở trên, bóng giăng lấp-loáng, xa trông như muôn nghìn ngôi sao lốm đốm trên không. Nội-thị tam-phẩm dở lên, phục sức như đàn bà con gái, bày hàng ở cạnh đường. Các thứ tạp hóa hàng tàu hàng ta và thịt, quả, rượu, nem không thứ gì là không có đủ, chất đống như núi. Cung nhân qua lại mua bán mặc ý tranh cướp, không cần hỏi giá; những giọng tranh chấp ở nhà-quê đua nhau nói toách và những tiếng vui cười, thấu suốt trong thành ngoài nội. Nửa đêm chúa lên xe xuống thuyền, những thị thần và phi-thiếp cùng nhau gõ nhịp bơi chèo, hát giọng đò đưa, đi đi lại lại, lơ lửng bên sông; thỉnh thoảng lại nghe tiếng đàn, tiếng sáo, xen vào giọng ngân-nga của cô hát, vẳng-vẳng như chơi cung Quảng-hàn mà hát khúc *Quần tiên*. Chúa trông thấy lấy làm vui thích lắm, đến gần gây mới về. »

Xem như thế, thì chữ « Quảng hàn », « nguyệt điện » và « Nghê-thường » đều ở trong sự-tích Đường Minh-hoàng mộng lên chơi cung giăng. *Nghê-thường* vốn là « xiêm áo lông cánh » Đường Minh-hoàng trông thấy lúc thấy bọn tố-nga lả lả múa hát mà đặt ra, nước ta có lối « múa bài bông »; bốn người đàn bà vừa múa vừa hát, cũng gọi là *Nghê-thường*. Nhân có lối hát múa ấy, dân gian bắt-chước, chế ra các thứ đèn cù, đèn máy, theo điển-tích ngũ-lão bát tiên. Đèn cù là đèn có tán quay chạy một vòng rồi lại quay lại, tục ngữ ta có câu « chạy như quân đèn cù »; còn đèn máy thì làm một người tiên bằng giấy, cầm ở vòng ngoài, giữa thắp đèn làm cho người tiên chạy nhanh như bay. Đèn cù đèn máy cùng là một thứ, thường gọi là đèn kéo quân hay chạy quân, vì xung quanh có bình người, hễ giữa thắp đèn thì xung quanh quân chạy.

Những người và giống vật làm theo đồ đèn ngũ-lão bát tiên đều là những cảnh thần tiên ở trên giời, người đời sau cho là khi Đường Minh-hoàng, tụ theo thần tiên gặp những cảnh như thế nên bắt chước đặt ra, chứ không rõ điển tích nào cả. Ngũ-lão là ngũ

(*Xem tiếp trang 14*)

ĐÃ CÓ BÁN
VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU
DƯƠNG QUẢNG HÀM
Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hànội
500 trang khổ lớn 15 × 21
giá 12$00
DANH TỪ Y HỌC
(Tập A và B)
PHẠM KHẮC QUẢNG:
Y-khoa, Bác-sĩ
LÊ KHẮC THIỀN:
Ngoại-trú Y sinh giá 3$00
ĐẠI NAM HÌNH PHÁ
LÊ CHUNG CHÁNH
Luật khoa Tiến-sĩ
Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Hànội
350 trang khổ 13×20 giá 10$00
Nhà in XUÂN THU
214 phố hàng Bông Hanoi

« THU THINH PHÚ »

CỦA ÂU DƯƠNG TU

Hi-đạm NGUYỄN-HỮU-TRI *dịch*

Âu Dương tử, phương dạ độc thư,
Văn hữu thinh tự tây nam lai giả
Tủng nhiên nhi thính chi viết « Dị tai !
Sơ tích lịch dĩ tiêu táp,
Hốt bôn đăng nhĩ phanh-phái;
Như ba-đào dạ kinh, Phong vũ sậu chí.
Kỳ xúc ư vật giả, Tủng tủng tranh tranh,
Kim thiết giai minh.
Hựu như phó địch chi binh,
Hàm mai tật tẩu, Bất văn hiệu-lệnh,
Đản văn nhân mã chi hành thinh. » — Dư vị đồng tử.
« Thử hà thinh dã ? Nhữ xuất thị chi ! »
Đồng tử viết : « Tinh ngayệt hiệu khiết,
Minh hà tại thiên. Tứ vô nhân thinh
Thinh tại thụ gian. » Dư viết: « Ý hi ! Bi tai !
Thử thu thinh dã. Hồ vi hồ lai tai !
Cái phù thu chi vi trạng dã,
Kỳ sắc thảm-đạm, Yên phi vân liễm.
Kỳ dung thanh minh. Thiên cao nhật tinh.
Kỳ khí lật liệt. Biếm nhân cơ-cốt.
Kỳ ý tiêu-điều, Sơn xuyên tịch-liêu.
Cố kỳ vi thinh dã Thê-thê thiết-thiết.
Phong thảo lục-nhục nhi tranh mậu.
Giai mộc thông long nhi khả duyệt.
Thảo phất chi nhi sắc biến,
Mộc tao chi nhi diệp thoát.
Kỳ sở dĩ tồi bại linh lạc giả
Nãi nhất khí chi dư liệt.

Phù thu.

Hình quan dã, tư thời vi âm.
Hựu binh tượng dã, Ư hành vi Kim.
Thị vị thiên địa chi nghĩa khí,
Thường dĩ tức sát nhi vi tâm.
Thiên chi sinh vật Xuân sinh thu thiệt.
Cố kỳ tại nhạc dã,
Thương thinh chủ tây phương chi âm,
Di-tắc vi thất nguyệt chi luật.
Thương, thường dã Vật kỳ-lão nhi bi thương ;
Di, lục dã. Vật quá thịnh nhi đương sát.

Âu Dương tử đêm ngồi đọc sách, — Nghe tiếng đâu như cách từ xa... Mé tây-nam lại đó mà, — Lắng tai sợ-sệt: « Chẳng là lạ ru ! Mới lách-tách vu vu vừa đó, Bỗng ồ-ào rầm-rộ chuyển mau. — Tiếng như sóng bể đêm trào, Tiếng như mưa gió đến sao thích lình ! Chạm vào vật tung-tinh nổi tiếng, — Sắt với vàng soeng sỏeng cùng reo. Lại như binh lính dập-dìu. Ruổi sang bên địch miệng đền ngậm tăm. Tiếng hiệu lệnh âm-thầm chẳng có, — Ngựa với người đâu đó tiếng đi. — Hỏi thằng nhỏ : « Ấy tiếng chi ? — Mày ra xem có thấy gì hay không ? » Thằng nhỏ đáp ; « Trăng trong, sao tỏ, Giải Ngân-hà lồ-lộ trên trời... Bốn phương chẳng có tiếng người ; Tiếng trong cây ạ ! »
— « Ôi thôi ! Phải rồi !

Tiếng thu đó, ai xui mà lại ? — Xét riêng thu trạng thái thu đây. Màu thu héo hắt nhạt gầy. Mây gom gọn-ghẽ, khói rây mờ-mảng. Dáng thu rõ thanh-quang sáng láng, Vòm trời cao, chói rạng vầng dương. Hơi thu lạnh buốt da xương, — Ý thu buồn, núi sông thường tịch-liêu. Nên tiếng thu hiu-hiu buồn-bã, Nên tiếng thu giục-giã gọi kêu. — Đua tươi cỏ mướt xanh nhiều, Ngàn cây phô biếc, vẻ kiều dáng xinh. Tiếng thu phớt, cỏ xanh thay sắc, Gặp tiếng thu, cây rắc lá vàng. Bởi đâu héo rụng tiêu tàn ? Khí thu mãnh liệt, lan-tràn uy linh. Phàm thu vốn là lình-quan vậy, Mùa thuộc âm, tượng ấy binh ròng. Bành kim, giết hại là lòng, — Ấy là khí nghĩa của trong đất trời. — Kia cây cỏ, xuân thời sinh nở Đến thu thời kết quả xuê-xoang.
Thu trong nhạc, vốn là *Thương*,
Âm *Thương* chủ ở tây-phương chẳng lầm,
Qua tháng bảy, luật nhằm *Di-tắc*,
Thương là hao, giả ắt tiêu hao.
Di là giết chẳng chừa đâu,
Sum-sê quá lắm, rồi sau lại dần,
Vả tính đến như phần cây cỏ,
Cơn phiêu-linh cũng có, nữa ai !
Linh hơn mọi vật là người,
Trăm lo dồn chứa ở nơi lòng mình.

Tạ phù!
Thảo mộc vô tình, Hữu thời phiêu-linh.
Nhân vi động vật, Dạ vật chi linh.
Bách ưu cảm kỳ tâm, Vạn sự lao kỳ hình.
Hữu động hồ trung, Tất dao kỳ tình.
Nhi huống tư kỳ lực chi sở bất cập, Ưu kỳ trí chi sở bất năng. Nghi kỳ ốc nhiên đan giả vi cảo mộc, Y nhiên bắc giả vi tinh-tinh. Nại hà phi kim thạch chi chất, Dục dữ thảo mộc nhi tranh vinh! Niệm thùy vi chi tương tại, Diệc hà hận hồ thu thinh! »
Đồng-tử mạc đối, Thùy đầu nhi thụy. Đản văn tử bích trùng thinh tức-tức, Như trợ dư chi thán tức.
Thâm vạn sự nhọc hình mệt xác,
Rộn bên trong, lung-lạc tinh thần.
Huống còn ngẩng lên xa gần,
Sớm, nơi chẳng đến; trí, phần chẳng phô
Mà hồng hoa cây khô cũng phải,
Đêm hoa rầm, trăng mái tóc xanh.
Phải đâu sắt đá là mình,
Muốn cùng cây cỏ tranh vinh sao mà!
Suy nghĩ lại giết ta ai đó—Tiếng thu kêu, thôi rồi cần gì! » Chẳng nghe thằng nhỏ nói chi,
Gục đầu nó đã ngủ khi từ bao—Tư bề tiếng trùng reo lắc-trắc—Như giúp ta dằng dặc thở than.

***

CHÚ DẪN

Âu-Dương tử : Âu-Dương Tu tự nói mình.
Lách-tách vu-vu : Tiếng mưa gió cùng đến.
Ồ ào rầm rộ: Tiếng nước vượt trào lên.
Ngậm tăm: Quân lính ngậm cái thẻ tre ngang miệng để không được nói gì.
Ngân-hà : Tiếng Pháp gọi là *voie lactée*. Những đêm cuối, hạ sang thu, dải sao này hiện rất rõ. Người Tàu gọi đó là *minh-hà*, hoặc *ngân-hán*, hoặc *vân-hán*, hoặc *thiên-bàng* (chiếu xuống trên trời), hoặc *ngân-hoàng* (ao-bạc).
Hình-quan: chính là chức quan *tư-khấu*, cũng gọi là thu-quan, chủ việc hình phạt.
Khí nghĩa : Khí của trời đất, cốt làm cái việc cắt xén cho mọi vật được thích nghi. Lấy sự giết hại nghiêm khốc (túc-sát) làm lòng, trái với khí *nhân* lấy sự sinh dưỡng làm lòng.
Thương : một trong ngũ âm (cung, thương, dốc, chủy, vũ). Mùa thu cũng gọi là tố-thương.
Di-tắc : Trong nhạc có 12 luật. Luật *di-tắc* nhằm tháng mạnh thu, tức là tháng bảy âm-lịch. Sách *Sử-ký* nói : « Di-tắc là nói khí âm làm hại vạn vật. »
Tóc-xanh : Bản chữ nho chính nói tóc đen huyền. Ta quen nói tóc xanh cũng ý thế.
Tranh vinh: Ganh đua sự sởn-sơ tươi nhuận với cây cỏ.

PHÊ BÌNH

Đọc bài này, ta thấy chỗ dụng ý rất khéo của tác-giả. Ngay câu đầu, nói *đêm* để tạo nên một hoàn-cảnh tĩnh-mịch. Câu sau, thêm chữ *tiếng*, khiến ta cũng lấy làm lạ : đang đêm tĩnh-mịch như thế sao lại có tiếng gì. Mãi đến câu 21 (trong bài dịch) mới gặp chữ *thu*.

Rồi đó là *tiếng thu* rồi, ta mới cùng tác giả suy nghĩ lan man từ thu thu trong trời đất đến thu ở con người Ý-tử phô diễn có tăng thêm phần mình.

Đoạn tả tiếng, trước, sau, nhỏ (*lách-tách vi-vu*), lớn (ồ-ào rầm-rộ) thực có khác nhau.

Lại như câu nói của thằng nhỏ thực cần khớp với chỗ muốn biết của chủ nhân. Ngờ là phong vũ ba-đào thì trăng sao tỏ rạng, lồ lộ giải ngân-hà kia, làm gì có ba đào phong-vũ. Ngờ là quân gia rầm rộ, thì « *bốn phương chẳng có tiếng người* » làm gì có quân lính đâu đi ?

Lại nói : « *Tiếng trong cây* » là rõ ra câu nói ngây ngô của đứa bé vô tư lự, chỉ nói thế rồi thôi, có biết suy nghĩ gì nữa đâu.

Mãi đến sau, đọc câu : « *Gục đầu, nó đã ngủ khi từ bao* » ta mới biết nó nói vậy rồi nó ngủ. Càng rõ sự tĩnh mịch trơ vơ. Ra chủ nhân chỉ mình nói mình nghe, một mình nghĩ suy than thở, buồn biết chừng nào!

Cái tiếng « *lắc-chắc* » của côn trùng bên vách kia là một tiếng nhỏ thêm vào tiếng lớn của vạn vật, càng thêm áo-não làm lý lắm vậy.

Lời bình của Vương-Phượng-Châu

Bài « *Thu oán từ* » của *Tôn cự-Nguyên* rằng :

Hoàng diệp vô phong tự lạc.
Thu vân bất vũ thường âm.
Thiên nhược hữu tình thiên diệc lão
Đao đao ư hận nan cầm!
Trù trướng cựu hoan như mộng.
Giác lai vô ứ tựu tầm. »

Tạm dịch:

« *Lá vàng chẳng gió mà rơi,*
Mây thu vẫn tốt tuy trời chẳng mưa

(Xem tiếp trang 17)

... tết Trung-Thu

(Tiếp theo trang 11)

tinh, năm ngôi sao kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Tương truyền khi vua Ngô-Quyền đem vua Huấn lên núi Thu sơn, đi theo bến sông Hà, có năm ông già đến chơi. Còn bát tiên là tám người tiên, *Từ-nguyên* (quyển ý, trang 27) chua bốn tầng bát tiên: một là theo tục truyền là tám người tiên là: Hán Chung-Ly Trương Quả-lão, Hàn Tương-tử, Lý-Thế Quảng, Tào Quốc-cữu, Lã Động-tân, Lam Thái Hòa và Hà Tiên-cô. Các sách thần-tiên đều không thấy chép tám người tiên này, duy kinh-bản nhà Nguyên có đề bát tiên khánh thọ thế thì nhân tiên này bắt đầu từ đời Nguyên (khoảng năm 1280-1368). Hiện nay nước ta vẽ bát tiên vào gấy, thêu vào gấm vóc, chạm vào gỗ đều dùng tám người này.

Bát tiên của ta là tám ông tiên ở đất Thục là Dung-Thành, ẩn ở núi Hồng-mông, Lý-Nhĩ, sinh ở đất Thục, Đông-trọng-Thư vốn là ẩn sĩ ở núi Thanh-thành, tức là Hồng-mông, Trương-đạo-Lăng, ở quán Hạc-minh, Trang quan-Bình, làm nhà ở Thành đô, Lý-Bát Bách ở động Long-môn tục là Tàn-đô, Phạm-Trà sinh ở núi Thanh-thành, Nhĩ-Chu Tiên-sinh ở Nhã-châu. Có người vẽ chung làm một bản đồ.

Còn Lý Bạch và Hạ-tri-Chương, Lý thi-u-Cố Vương-Tiến, Thôi-tông-Chu, Tô-Tấn Trương-Húc Tiên-Toại, tuy gọi là tám người tiên trong tiệc rượu, tám trung bát tiên).

Bát tiên của Hoài-nam-tử là: Tả-Ngô Lý Thượng, Tô-Poi, Điền-Đa, Mao Phi, Lôi-Bỉ, Tấn-Xương, và Ngũ-Bỉ, tám người này chưa hẳn là thần tiên cả.

Gần đây rằm tháng tám người Nam ta thường chế ra các thứ voi ngựa rồng, long mã kỳ-lân sư-tử và các thứ đèn tôm, cá, cho trẻ cầm đi rước hồ-khoan: điển tích các con giống này, sẽ nói sau.

Lại làm hình nhân cho trẻ con chơi, như «ông nghè tháng tám» tức là «ông tiến-sĩ giấy»; không thấy sách nào chép đến chỉ trong truyền tăng: là người ta kỳ vọng cho con cháu ngày sau cũng đỗ như ông nghè ấy. Ông nghè chữ nho là tiến-sĩ. Trong bậc tiến-sĩ có nhất giáp (trạng-nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa), nhị giáp (hoàng-giáp), tam giáp (ông nghè), mà kỳ thi tiến sĩ thì về tháng hai tháng ba, thi cử nhân, tú-tài tức là thi hương về tháng mười. Nguyên trước kia thì hương về tháng tám, nên có chữ «thu-vi» hoặc «thu-thí». Thi về tháng tám lại gặp tết trẻ con cũng tháng tám, nên người ta làm một ông đã đỗ cống-sinh hay cử-nhân, sau kỳ vọng quá lên mới gọi là ông nghè. Cũng như làm ông nghè có mũ áo cờ biển thì phải rồi, có nhà lại làm thêm cả mấy cái tàn nữa, có phải là sai không? Trước kia chỉ có ông nghè tháng tám, nay làm cả ông Phật, rồi làm cả các hạng người trong xã-hội để cho trẻ con chơi. Phần nhiều làm bằng giấy bằng thiếc, lại làm một thứ bánh dẻo hình mặt giăng, bầy cỗ với các thứ hoa quả và các con giống bằng bột ngũ sắc.

Đấy là chơi về hình-thức, về tinh-thần thì có lối hát «trống quân». Trống quân nghĩa là gì?

Sách nôm của ta như *Chuyện trống quân* và *Đối ca* (in ở Hàng-gai, Hà-nội) viết là chữ «Trung quân». Nhưng *Từ nguyên* viết «trung-quân» là một bài hát trong khi quân đi. Ta có tục làm việc gì khó nhọc, thường hát những câu vui nhằm-nhỉ để cho quên mệt. Hát trống quân có lẽ cũng thế; khi quân đi cần có dáng nhọc mệt thường phải hát để giải chí.

Việt-nam tự-điển cắt nghĩa trống quân là «trò hát chăng dây mà đánh như tiếng trống để làm nhịp». Có lẽ nên thêm chữ «trò hát của con giai con gái về mùa thu...», vì mùa thu (nghĩa đen là lúa chiêm đã gặt xong), dân nông được thong thả, gặp thẳng có giăng, tiết giời mát mẻ, con giai con gái được ngày nhàn-hạ để tự chọn lấy đôi lứa. Vì thế có tục hát trống quân: một bên con giai một bên con gái, ngồi cách nhau độ năm mươi đến một trăm thước tây, giữa chăng một cái dây, hai đầu buộc vào hai cái thăng hoặc cái chậu, cái mâm, cũng có khi chỉ có một cái ở giữa, tức là cái trống.

Tục hát này không cứ là đêm rằm tháng tám, suốt tháng tám, tối nào có gió mát giăng thanh, bọn con giai con gái cũng rủ nhau ra hát: chỗ thì hát đám, hát ông, nơi thì hát giã gạo, hát độ đưa, đều là lối hát của con giai con gái ướm hỏi nhau, mà những giai tài gái sắc kén chọn vợ chồng có khi ở đó hát ấy ma ra.

Năm 1919 ông Marcel Granet dịch bộ *Kinh thi* theo nghĩa đến (trong quyển *Fêtes et chansons anciennes de la Chine*, in ở bộ

Bibliothèque de l'Ecole des Hautes Etudes, Sciences religieuses quyển XXXIV) cũng nói rằng việc con giai con gái hát với nhau về mùa xuân và mùa thu, gốc ở *Kinh Thi*. Các bậc tiên-nho giảng nghĩa mùa xuân là mùa cây cối nảy mầm sinh nhựa (xuân sinh), loài người cũng thế, nên có những bài thơ lẫn nhau. Mùa thu là mùa lúa chiêm đã gặt (thu thu), công việc làm ăn đã xong, người ta muốn thi bành việc đôi lứa cho yên, nên có những bài thơ tình tự.

Như bài *Nguyệt xuất* trong *Kinh Thi*, so với câu hát trống quân của ta, tuy dàng chữ khác nhau, mà phong-tục và tình-tứ của con giai con gái đều thì, dù Bắc hay Nam, cũng giống nhau cả.

Bài *Nguyệt xuất* (mặt giăng mọc) ở quốc-phong nước Trần có 3 đoạn, nguyên-văn chữ nho như sau này: «1. Nguyệt xuất hiểu hề! Giảo nhân liêu hề! thứ yêu-kiều hề! lao tâm nhiễu hề!». — 2. «Nguyệt xuất hạo hề! Giảo nhân lưu hề! thiệp văn lao hề! thứ nhiễu thiệu hề! (thiệp văn thảo) hề! lao tâm tảo hề!». 3. «Nguyệt xuất chiếu hề! giảo nhân liêu hề! thứ thiên-liêu hề! lao tâm thảm (hiệp văn tháo) hề!» Nghĩa là: Mặt giăng mới mọc kia, trông rất trong trẻo! Người con gái đẹp kia, hình-dáng yểu-điệu, ước sao ta được trông thấy để thư lắm lòng tương-tư! vì mong ước chưa được, nên nhọc lòng lo nghĩ! — 2. Mặt giăng mới mọc kia, trông rất sáng-sủa! người con gái đẹp kia, dáng-điệu xinh-đẹp! ước sao ta được trông thấy để thư lắm lòng lo nghĩ! vì mong ước chưa được, nên nhọc lòng buồn rầu! — 3. Mặt giăng mới mọc kia, soi khắp nhân-gian! người con gái đẹp kia, nhan-sắc như trong! ước sao ta được trông thấy để thư cái tình nhớ thương! vì mong ước chưa được, nên nhọc lòng sầu thảm!»

Ông Chu Phong thành nói: «thơ này tả cái lòng mến nhau rất mực, cho nên tương tư quá chừng rồi đến nỗi lo buồn quá đáng. Giá mà ông vua nước Trần bấy giờ cũng đem cái lòng tương tư rồi gái đẹp, mà tìm người hiền, thì làm gì mà chẳng được? Tiếc thay! chưa tìm ấy gì là liêu-đức như hiếu-sắc!»

So với bài hát trống quân của ta, thì có bài con gái tìm hỏi con trai cũng gần giống với bài *Nguyệt xuất* trong *Kinh Thi*. Bài ấy như sau này: «Nhân khi ở bãi gạo tình, muốn cho hợp mặt có mình cô ta, anh-hùng gặp khách hằng nga, dáp mong đây đấy một nhà thủy chung. Đào đâu trong đến lỗ cung! muốn cho đào lỗ ở trong một nhà. Sao hàng chẳng tỏ lòng ta? một đêm năm bảy độ ra trông nàng! Tìm hàng mà chẳng thấy nàng, bâng-khuâng nhớ thiết dạng vàng trên tay. ...» (Ba câu đầu cùng ý với câu thứ 3, 4, câu 7, 8 và 11, 12 trong bài *Kinh thi*).

Ngày xưa hát câu hát trống quân, có người hát bài sau này, cũng là bài con ra ai in ra q... ngữ: «Nay mừng ông lập trống quân để cho giai gái chơi xuân kịp thời. Mừng đầu mùa là mùa mình lan phương, mừng cây ngô đồng. Mừng người xứ Bắc, mừng kẻ xứ Đông, mừng chim loan phượng ngô-đồng sánh đôi. Nay mừng ở ở sánh đôi nơi, (mừng người thiếu nữ sánh người tuấn phu). Mừng nay gặp tốt trung-thu, mừng các cô đã ngao-du dám cây. Mừng giăng mừng gió mừng mây, mừng các cô đay ta đây sánh vào. Mừng nay đông lẫu tây đào, lại mừng lan huệ ra vào tốt tươi. Mừng năm phong-cảnh thảnh thơi, mừng ba chữ phú treo chơi trong nhà. Lại mừng đến cả cảnh hoa, hoa lan, hoa cúc, hoa trà hoa sen. Bây giờ anh lại mừng em, mừng nay giáng tổ hơn đôi ngày xưa. Mình ơi, đã tổ hay chưa? vì mình anh phải vào ra với mình. Lại mừng đến cả tứ linh, long, ly, quy, phượng, như sinh một nhà. Lại mừng bực nữ buổi ra sự ta ngỏ một và câu chơi. Mình ơi, thương nhớ nhớ thương (vẫn khả!) Mối sầu đôi đoạn tơ vương bên lòng: một sầu ngồi tựa bên phòng, chăm bao tưởng khách mà lòng vào ra; hai sầu tới lại đeo hoa, nhắc trong anh nghĩ sao ra bằng chừng; ba sầu tay lý

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của TƯỜNG VĂN

1) *Thơ lẩm* (có nhiều bài tiếu-sắc, thiền, từ khúc v.v.)
2) *Thơ dịch* (có mấy bài dịch-thư viết bằng bút lông rất tài)
3) *Thơ dịch Pháp văn* (trích những bài tuyệt tác của Lamartine, Victor Hugo, Alf de Musset, Baudelaire, Verlaine, S. Prud'homme, Régnier, Maeterlinck, Comte de Noailles)

Ông Nguyễn tiên-sinh La đã riêng chú ý đến phần này mà khen dịch giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939), có tài việt hóa văn chương Pháp như bà Nguyễn Điểm (dịch Chinh-phụ-ngâm) có tài việc hóa văn chương Tàu.

Ai muốn xem bài này xin gửi viết (dịch) *Kiosque Thanh-Tao-Vinh.*

Hỏi *Hoa-Mộng* ở các hiệu sách lớn.

đeo vòng, bảy cởi phẳng-phất hương lồng chưa phai; bốn sầu áo mặc chưa can (vần khác), bề trong hoa đẹp bề ngoài vải phi; năm sầu khăn nhiễu tạm giang, (vần khác) hình dung yểu-điệu lưng ong địu dàng; sáu sầu con mắt liếc ngang; bảy sầu tưởng khách địu dàng thướt tha; tám sầu điểm phấn hồng hoa, chín sầu nghĩ lúc vào ra với nàng; mười sầu trong dạ đã an, ấy là tài sắc cũng ngang thúy-hoàn ».

Tuy các lối hát về tháng tám của ta có giống với phong-tục trong *Kinh Thi*, nhưng phần nhiều là những câu ca dao hoặc câu hát vặt, mà trong *Kinh Thi* cũng không có bài nào dài lắm. Nay đem mấy câu ca-dao của ta so với *Kinh Thi* câu: « Chim khôn đậu nóc nhà quan, giai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng; xưa nay những bạn má hồng, thà hầu quân-tử hơn chồng tiểu-nhân », xem ra cũng giống với thơ *Quan-thư* như sau này: « Quan quan thư-cưu, tại hà chi châu, yểu-điệu thục-nữ, quân-tử hảo cầu », nghĩa là « chim thư-cưu tiếng kêu hòa-hòa, ở trên bãi sông, người thục-nữ kia có dáng yểu-điệu, người quân-tử đi tìm ».

Câu « Gió đưa cây cửu-lý-hương, từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn », so với thơ *Trắc hồ ở Kinh Thi* như sau này: « Trắc bỉ hồ hề! chiêm vọng phụ hề! phụ viết: ta! dư tử hành dịch, túc dạ vô dĩ, thượng thận chiến tai! do lai vô chỉ », nghĩa là: « Chèo lên cái núi không có cây cỏ kia! xa trông về chỗ cha ta ở, có lẽ cha ta ở nhà nói rằng, Than ôi! con ta đi việc quan: sớm khuya siêng năng khó nhọc không được nghỉ ngơi, và lại mong cho ta rằng: hầu như cẩn thận, để còn có lúc dở về, không đến nỗi bị giặc bắt hay bị chết! »; Xem thế thì những ca-dao của ta cũng ý-nghĩa thâm-trầm chẳng kém gì của Tàu.

Trước khi ông Marcel Granet dịch *Kinh Thi* ra chữ Pháp cho rằng *Kinh Thi* là lượm nhặt những câu hát cổ thuộc về phong-tục (vì thế trong *Kinh Thi* có chia ra *phong*, *nhã* và *tụng*), các bậc tiền-bối đã chép các câu ca-dao của ta thành tập, đặt tên là *Quốc-phong thi*, *Việt-nam phong-sử*, v. v., xét ra nhiều bài giống *Kinh Thi* của Tàu.

Cứ như thế, thì cái tục hát về tháng tám này không những riêng ở nước ta, cả nước Tàu và mấy nước ở Á-đông cũng có, những nước ấy (xem sách ông Marcel Granet, tr. 116) có tục cưới vợ từ tháng tám trở đi, vì tháng tám là tháng mát (thu lương) và công việc đồng-áng đã được thư thái. Nếu đúng như thế thì cái tục hát trống quân có đã lâu, có lẽ trước tục ăn tết trung-thu.

Các nước thường lập thành hội để khảo-cứu phong-tục. Nước ta đã có một hội như thế, tên là Hội nhân-chủng (Institut indochinois pour l'étude de l'homme), nhưng chưa ai đi dò xét từng làng như Trường Bác-cổ đi sao thần-tích. Phải chép đủ các câu hát cũ thì mới mong khảo-sát đến nơi; hiện nay ở vùng thôn quê còn nhiều câu hát chưa ai chép, và có nhiều câu vì tam sao thất bản, nên cần phải so sánh thì mới tìm ra ý nghĩa và nguyên-ủy.

Ứng học NGUYỄN-VĂN-TỐ

HÃY ĐỌC

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

(Một trong sáu bộ tài tử của Tàu)

Một bộ cổ sử giá trị từ nhất trước đến nay.

Sách dày trên 400 trang khổ — rộng in toàn trên giấy quý (blanc art). Bìa tuyệt đẹp — số in có hạn **Giá 16$00**

Nhà xuất bản ÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Thu về...

(Tiếp theo trang 5)

Dền nghĩa chị, rồi thềm khuê-các. Trả thù chồng, thắng đất Long Biên.

Chém tướng giặc, đuổi quân về ải bắc. Mặc áo tang rơi lệ ngư-ngại vàng.

Rồi ba thu, cờ anh-thư phấp-phới đất Mê linh; cỏ cây hoan-lạc!

Nhưng một sớm, gươm danh tướng ngang-tàng trời Giao-chỉ; non nước oanh-liên.

Trùng trùng sóng Hát,
U-uất thuyền quyên.

Đã mấy tan rồi, trăng ngồi tiết liệt;

Còn bao thu nữa, sóng tỏa linh thiêng.

Trời Chiêm quốc bay hoa một cánh, mây gió còn thương.

Thôn Trữ-la giữ lụa đôi chiều, ngựa xe trả ước.

Thế mà:

Mất phượng mày ngài,
Giang san quân quốc,
Cầu chiết-liễu bằng khuâng bóng Việt,
Khúc ly đình lận đận trời Ngô.
Kiệu ngọc đã xa, quan-ải buồn lên tiếng dịch. Tơ lòng còn vướng, sông hồ tình gửi hơi thu.
Mở kinh cũ, lòng già khắc-khoải;
Thẩm xứ người, duyên trẻ tiêu sơ.

Trận gió vấn danh, muôn dặm Ô Ly sinh-lễ; Cánh buồm khứ quốc, một trời Đại-Việt tiễn đưa!...

Nhìn nhau thức,
Trông về ngẩn-ngơ!
Cánh chim tham-thẩm,
Bóng thuyền mịt mờ
Người đi: tiếng chuông thu mộ,
Kẻ về: trận gió thu sơ...

Giữa mùa lá rụng, gây trầm lên, nhớ lại chuyện xưa.

Đang lúc mưa bay, đặt bút xuống, thương người ngày trước.

Khói trầm mỏng-manh,
Nét thơ lả-lướt.

Nơi thư-viện đâu chiều nắng ấm, trăng sáng đôi lòng. Chốn đài gương bạn với cô-nhân, sầu chung một cuộc.

Gửi vào thơ mấy điệu tâm tư,
Phó gió vào chút tình non nước.
Thu năm trước vòng ngọc tay ngà khít bẩu,
Thu năm nay áo thêu vóc lẫu chung hơn.
Trăng soi bóng lẻ,
Bút gãy lòng đơn.
Ngẫm chiều thân-thế,
Tưởng đến nguồn cơn...
Nghìn xưa ai có như ta, gió thu thấy lạnh?
Nghìn sau những ai đó nhỉ, trăng thu có buồn?

NGÂN-GIANG
Hướng-dương Thư giếp thân
(Trích trong tập Bút-ký)

Đón coi

ĐẶC - SAN VỀ THU (1944)
(Tập thứ hai)

1) Điển-tích các con giống về tiết Trung thu *của Ông-hòa* NGUYỄN-VĂN TỐ
2) Hát dưới trăng thu *của* HOA-BẰNG
3) Phỏng vấn một ông nghề ta về tinh-thần hán học *của* PHẠM MẠNH PHAN
4) Đinh-nhật-Thận với thiên « Thu dạ lữ hoài » *của* NHẬT-NHAM
5) Ngó qua các đồ chơi về dịp Trung-thu của nhi-đồng *của họa sĩ* TRỊNH VĂN

và vân vân...

« Thu Thinh Phong »

(Tiếp theo trang 13)

Trời kia tinh-tú cũng già,
Chứa-chan u hận khó mà quên người.
Vui xưa như mộng, người người,
Tình ta còn biết ở nơi nào tìm!»

Đại lược tức là ý đoạn này (chỉ bài phú *Tiếng thu*), xưa nay vẫn lấy làm kỳ tuyệt, cũng nên xem với.

***

Lời bình của Quả Chương Hầu

Tiếng thu vốn không thể tả, bèn mượn màu thu, dáng thu, mùi thu, ý thu, mà dẫn tiếng thu ra, một giống cảm khái buồn-bã, thê lương vô hạn. Cuối cùng nói đến sự cảm tâm lao-lỉnh, tự mình gắt hại lấy mình, không lúc nào mà chẳng là thu, thực có làm cho người không khám ủnh ngộ.

Hi-đạm NGUYỄN-HỮU-TRÍ
(Tây-ninh 2 septembre 1944)

Văn miếu Hanoi

(Tiếp theo trang 6)

người ngoại quốc thăm chốn cố đô xưa nay, muốn tìm đến các dấu vết văn học của các bậc tiền nhân ta, nhìn thấy quang cảnh ấy của Văn miếu tất phải có những ý nghĩ không hay về dân tộc Việt nam mình!

— « Nhưng ông bảo làm sao được. Đã sáu, bảy năm nay một bậc nho học, cụ Lê Dư, sốt sắng về việc đó đã đứng lên điều đình với các quan chức tỉnh Hadong cho gióng các cây có quả nhỏ nhắn, vải trên các thửa đất bỏ không của văn miếu để làm khu văn miếu như một cái nho lâm. Hàng năm lấy tiền hoa mầu ấy mà tu sửa văn miếu nhưng tiếc thay việc ấy không thành.

« Ông tính, văn miếu của ta xưa làm gì có cái quang cảnh hiu quạnh như ngày nay. Xưa văn miếu là chỗ giảng học, là trường đại học của toàn quốc để các sĩ tử đi thi hội. Văn miếu thuộc về phía nam của thành Thăng Long ở phường hồ Bích câu. Chung quanh văn miếu là cả một khu văn học. Các đại quan và các danh nho như cụ Bùi huy Bích phần nhiều có dinh hay trại ở khu đó. Ngày xưa khu văn miếu có một tinh thần văn học. Cái tinh thần ấy ngày nay đã chết. Giá người ta làm sống lại cái tinh thần ấy bằng việc lập khu Đông dương học xá ở quanh văn miếu thì chúng ta vừa giữ được cái không khí cũ vừa có một khu văn học như xóm La-tinh của người Pháp ở Ba-Lê.

— Thưa ngài, ngoài những vị Thánh hiền đã thờ ở Văn miếu ra, ngài tưởng ta còn nên kỷ niệm những vị danh nho nào của ta vào văn miếu nữa?

Không đồng ý kiến ấy, ông Huyên hiền quả quyết mà đáp:

— Văn miếu lập lên từ đời nhà Lý, các bực đại khoa từ đời Lê đều có bia trong đó. Văn miếu thờ đức Khổng Tử và các bậc tiên hiền. Từ nhà Nguyễn trở đi thì ở Huế đã có văn miếu. Nếu có lý niệm thêm các bậc danh nho tôi tưởng nên ở Huế chứ không ở văn miếu Hanoi.

— Theo ý ngài, ta nên bảo tồn văn miếu bằng cách nào?

Ông nghè Huyên thư thả đáp:

— « Theo ý tôi có hai cách, một là sửa sang khu văn miếu cho có vẻ mỹ quan, lẽ cố nhiên theo quan niệm Á Đông, tu bổ các nhà của văn miếu làm thành một cái thư viện cho cả nước, thu tập hết thảy các sách bằng chữ nho, quốc ngữ và tiếng ngoại quốc nói về Á-đông và có quan hệ đến nền quốc học của ta.

« Cách thứ hai là làm văn miếu như xưa thành một giảng đài, cho các bực cựu học và tân học dủ tín nhiệm đến đó giảng về các nền học xưa và nay, giảng về thân thế và sự nghiệp của các bậc tiên hiền thờ trong văn miếu vì tôi xét ra nhiều người không biết văn miếu là thế nào và thờ những ai.

« Rồi phải có một tập san, hoặc hàng năm hoặc hàng tháng để in các bài giảng ấy và lần lượt cho in các sách có quan hệ đến nền quốc học Việt-nam.

« Như thế phải có một hội văn miếu có ban trị sự chọn hội viên và ấn hành các công việc. Nay có một cách, có thể thi hành ngay được dự định ấy là hội Khai-Trí-Tiến Đức đã sẵn có một ban văn học. Ủy ban ấy nên mở rộng phạm vi lập lên thành một ban văn miếu rồi lần lượt thi hành các công việc ở trên.

« Hiện nay ở một vài tỉnh đã có hội văn miếu như Bắc Ninh, Hưng Yên chẳng hạn, nhưng đó là của hàng tỉnh. Các hội ấy nên cử người vào Hội văn miếu ở Hanoi là văn miếu của toàn quốc.

— Đã là của toàn quốc, theo ý ngài ta nên kỷ niệm các vị Tiên Hiền bằng cách nào cho hợp thời ngoài việc tế lễ xuân thu nhị kỳ. Đành rằng tế lễ cũng là một cách kỷ niệm nhưng chẳng ôi cho là có ý nghĩa hẹp hòi và cũng không có bóng vang chi hết trong hàng trí thức.

Câu chuyện đã trở nên thân mật, ông Huyên đề lộ chiếc cười nửa miệng trên cặp môi:

— « Tôi tưởng nên dành tiền chi phí về tế lễ mà tu sửa lại văn miếu còn hơn.

« Nếu hội Văn miếu tôi nói mà thành lập thì hội đó lẽ treo hàng năm các giải thưởng về văn học, mỹ thuật và âm nhạc, đặt những giải thưởng cho các bậc thanh niên nào tốt nghiệp mà xuất sắc nhất ở các ban trong trường Đại học, cấp các học bổng cho các sinh viên nghèo. Rồi chọn lấy một ngày có ý nghĩa mà làm lễ kỷ niệm cho văn miếu của toàn quốc.

« Ngày đó sẽ xướng danh các người được ban thưởng về các tác phẩm và các bậc thanh niên xuất sắc nhất trong các kỳ thi tốt nghiệp ở các ban thuốc, luật, vân vân. »

Một bức thư xanh...

(Tiếp theo trang 7)

họ đi vòng núi Lăng, ngược lại con đường mà tôi đã đưa chị từ bãi Kim dữ về thăm Mài Trăng non hôm nọ.

Bước lại trên đường này, cố nhiên là tôi nghĩ đến dấu chân của chị. Lòng thấy khoan khoái và mát mẻ theo hơi gió sớm từ biển Mũi-nai tạt vào. Mấy ao súng dựa chân núi đã nẩy đều lá đỏ. Hoa súng cao cao những cánh nho nhỏ trắng tinh thẹn thò nhô trên đám tiền tròn khắn mặt nước.

Đi quá con đường rẽ về một đồi chè đến bờ đồn nhỏ. Cái cầu đồn tả bắc trên đoạn đường cong trên cái dốc cao cao mà chị đã đi qua mười chín năm về trước nay đã thay bằng đập cầu xi măng bằng phẳng với đoạn đường ngầy. Hôm nọ đi xe qua chốn này hình như chị quên để ý về cái sự đổi thay đó nhỉ!

Nghe đến hai chữ « xướng danh » tự nhiên tôi nghĩ tới ngày đó với cảnh tưng bừng rộn rịp của quang cảnh trường thi xưa và để kết thúc câu chuyện đã hơi lâu, tôi nối lời cùng nghệ Huyên:

— Thưa ngài, ngày xướng danh đó có lẽ sẽ là một ngày nô nức nhất mà ai nấy đều ngóng ngóng chờ mong cái kết quả về sự lựa chọn của hội Văn nếu.

Cuộc phỏng vấn đã kéo giài trên tiếng đồng hồ. Thấy câu chuyện đã dịn lúc cần phải chấm hết tôi bèn đứng lên cáo từ người tôi phỏng vấn để trả ông cho các chồng sách của trường Bác cổ

PHẠM MẠNH PHÀN

Đám ma không qua cầu thẳng theo con đường đi Mũi nai, mà quẹo vào đường bờ đồn cũ

Đường hẹp, hoang vắng đã lâu tre trên bờ đồn la ngoạn rạ vệ cỏ. Đất hãy còn ẩm ướt vì một cơn mưa ngòi hơn nửa ngày, cách mấy hôm trước. Nước đọng từng ao con bên bờ đường.

Người đi phải cúi tránh những cành gai cành cây vươn nhánh ra lối mòn.

Phảng phất đâu đây, nghe có một mùi ngai ngái của giống nhầy lòng, cái mùi ngai ngái đặc biệt của rừng xanh lá rậm.

Đưa người hàng xóm tới huyệt, ngậm ngùi đứng nhìn hai sợi gây giòng quàn hài xuống hố đất vuông. Lòng bấy giờ mới lại dậy lên niềm tử biệt.

Quay đi như trốn tránh bước về theo một nẻo đường trước mặt. Qua ngang chỗ đất phần mộ nhà, bạn chị rẽ lá vạch cỏ ghé vào.

Nói rẽ lá vạch cỏ để chị tưởng tượng lối rậm rịt của ngõ đi. Có lâu lắm gì đâu, cái dạo mà tôi gởi cho chị cùng chơi hương thoảng mùa Xuân muộn, hồi đó đương tiết Thanh minh, nơi nơi đều trồng trải. Cỏ lệ tảo mộ trong tiết tháng ba đã đổn đầy hết những cây những cỏ khắp các triều núi.

Thế mà, mới qua nửa mùa mưa cây cau cỏ rậm đã lập đầu ngờ. Những nấm mồ êm sạch hôm Thanh minh nay đã phủ đầy rêu hoang và cỏ dại.

Trong vòng mà địa tiền nhân, hai ngôi mà mới trơ trên nền xanh biếc. Hai nấm đất đó đắp lên đã trải bao kỷ lạo mộ rồi, gió mưa đã làm mòn mỏi cho bình mộ tuốn đi nhưng mà hãy chưa gọt lên tô mặt bằng cỏ một lớp rêu nhà. Đất trắng bạch mộ màu sô gai của giải khăn trắng vắt ngang trên mái tóc.

Người bạn của chị đến hai cái lang nặng trĩu tiền đầu đang tỉ lấy nặng cầu vì nỗi đau thương quá quan rồng lòng. Tựa đầu vào trụ đá, những giọt mau thành thốt trong tim đã tràn xả khóe mắt. Cái khóe mắt mà chị đã gọi đùa là « câu thơ » đó, nếu có là thơ thì nó chỉ có thể là một vần thơ buồn mà thôi! Bạn ơi!

Ngờ như thế không biết lo bao lâu, khi mà lòng đã thấy êm ả ngăng dần lắm, trời vẫn còn mát dịu, không gió vương vương những sợi tơ mưa nhè nhẹ thưa thưa.

Lại từ trong mảng xanh hoang vu của cây cỏ chui ra lũng thũng đi nối con đường vòng quanh núi. Đường đi men rừng. Bên rừng là mảng cành nhỏ chi-chít giây leo chằng chịt thân cây.

Phảng phất đâu đây lại nghe có mùi ngai ngái của giống thú lông, mùi ngai ngái bây giờ dường như gay gắt. Nhìn quanh thì không thấy một gây nhân lông nào. Thế mà vẫn ngửi thấy mùi kỉ, có lẽ không? Lạ!

Lúc ấy tôi thèm thèm ăn trái nấu rừng đó quá. Mới hãy còn đang vướng được cái vị làm lạ, hoang dại.

Có phải hôm chúng ta đi ở mép rừng ven bờ đồ mà về biệt thự

Hải-Âu, chị đã bái cho tôi một trái nhãn lồng vừa chín bay không? Tôi nhớ bòn bỉ vàng vàng bị nhốt trong cái lồng tơ xoắn xuýt đó sao mà ngon thế. Rồi Bân không tìm được một bòn bỉ vàng nào nữa, nên lại phải bái, cho phần mình, một ổ kén còn xanh nhốt một bòn bỉ xanh hơn.

Khí phát rất mạnh mẽ của cây lá đã tuôn ứa trong mùi thơm sơn-dã và trong mầu biếc biếc của chàm xanh ngập lụt núi đồi.

Tôi nhớ những lúc đi chơi với chị, tôi thì hay nói mà chị thì hay trầm ngâm. Con nhà hùng biện có khác, người ta chỉ nói khi nào đáng nói. Ở đây người ta không nói vì người ta đang đắn đo, hay người ta đang cảm nghĩ một cái gì đó, có lẽ.

Nếu lúc này có chị cùng đi thì tất tôi lại bép xép nữa bởi vì đây là tôi đang bước trong một cánh rừng thu xanh ngắt ngút ngàn của thảo-mộc mới hồi sinh, sau những tuần mưa cửu hạn.

Tôi đọc vang lên những câu thơ của xuân Diệu :

Đây mùa thu tới — mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.
Hơn một loài hoa đã rụng cánh
Trong vườn sắc đỏ rủa màu xanh.
Những luồng rung rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Tôi thấy thu đất Bắc của thi sĩ không phải là mùa thu đầy nhựa sống của tôi ở đây rồi.

THU du THANH thảo địa.

Chữ « đạp thanh » ở đây chữ mới thấy đúng nghĩa chị ạ !

Đâu là cảnh :

Con nai vàng ngơ ngẩc
Đạp trên lá vàng khô.

của Lưu Trọng Lư

Đâu là nét buồn man mác nhẹ vướng không gian của Huy Cận :

Chim đi, lá rụng cành nghe lạnh lùng
... Non xanh ngây cả buồn chiều
Nhân gian e cũng tiêu điều . dưới kia.

Đâu là nỗi buồn cao rộng của Bích-Khê :

Ô ! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! vàng rơi ! thu mênh mông

Buồn dìu bìu của Vũ Hoàng Chương

Mặt giếng thêu vàng xác lá ngô

Và buồn rét mướt của Quách Tấn :

Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.

Tàu hơn và xưa hơn hết, cái buồn tiêu sắt của Tản Đà :

Từ vào thu đến nay,

(Xem tiếp trang 23)

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nho, lại sao bao nhiêu năm xem sách nghiền ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mực, cái quy thức nhất định về sự học chữ nho, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được.

Toàn bộ 2 quyển — giá 4$00 cước 0$45

(không gửi lĩnh hóa giao ngân) để cho :

hiệu sách Đông Tây, 195,

phố hàng Bông — HANOI

Mua buôn, trừ 20% — miễn phí về phần nhà xuất bản chịu

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-đức Thiệp Giá : 2$50

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách đăng sắp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN :

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của Nguyễn nguyên Điểm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân Huy

CON MỘT ÍT :

MẸ ÔI *gia đình tiểu thuyết*

của Nguyễn khắc Mẫn Giá : 3$50

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn Giá : 2$50

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

Mồng tám, tháng tám,

ngày chúa Nguyễn Phúc-Ánh khắc phục Sài-gòn lần thứ tư

LÊ THỌ XUÂN

Hoàng-ngũ-Phú phong cho Nguyễn-Nhạc làm *Tây-sơn Trưởng-hiệu Trấng-tiết Tướng-quân*, rồi kéo binh về Huế.

Rảnh-rang mặt bắc, tháng hai năm Đinh-tân (1776), Nguyễn-Nhạc sai em là Nguyễn-Lữ đem binh vào đánh Đồng-nai, Vua Duệ-tôn chạy trú tại *Đồng trèm* (nay là Hồ-Trèm, Bà-rịa).

Ba tháng sau, Đỗ-thanh Nhân mộ được đạo quân Đông-sơn ở *Ba-giồng* (Mỹ tho), rồi kéo lên Bến-nghé.

Mấy trận đều thua, Nguyễn-Lữ chạy về Thi-nại.

Vua Duệ-tôn về Sài-gòn, và phong Nhân làm Ngoại-hữu-phương-quận-công. Đây là *khắc phục Sài-gòn lần thứ nhứt.*

Bấy giờ, Tổng-phước-Hiệp từ Bình-Khương mới vào tới. Qua tháng sáu, Hiệp chết, bộ-tả là Lý-Tài (trước là tướng của Tây sơn) vì có hiềm với Đỗ-thanh-Nhân nên chiếm núi Chiên-thời của tỉnh Biên-hòa mà làm phản.

Tháng mười, Đông-cung Dương trốn được vào Sài-gòn. Vua Duệ-tôn sai người dụ Lý-Tài. Tài lại rước Đông-cung thẳng lên Thủ-dầu-một.

Tháng 11, ngày kỷ tỵ, Tài đưa Đông-cung về Sài-gòn. Ba ngày sau (nhâm-thân), vua Duệ-tôn nhường ngôi cho Đông-cung. Đông-cung bèn xưng hiệu là Tân-chánh-vương.

Vì thế Đỗ-thanh-Nhân dẫn bọn Đông-sơn về Ba-giồng.

Biết Lý-Tài ngang ngạnh khó trị, Nguyễn-phúc-Ánh xin vua xuống Mỹ tho chiêu dụ bọn Đông-sơn để lo việc khôi-phục. Tài nghe, đem binh bức vua Duệ-tôn lên Thủ-dầu-một, nhưng hôm sau lại đưa về Sài-gòn.

***

Bên trong thì rối bên rối bét như vậy, mà bên ngoài thì vào lúc tháng ba năm Đinh-dậu (1777), Nguyễn-Huệ đem quân thủy bộ vào Gia định.

Tân chánh-vương dồ Lý Tài giữ Sài-gòn, bộn thân dẫn binh đến Trấn-biên. Bị thua to ở Biên-hòa và nghe Lý-Tài đánh mấy trận với thủy quân Tây-sơn mà cũng không ra gì, Tân-chánh vương bèn rút binh về Bến-nghé. Chẳng được mấy ngày, binh Tây-sơn lại đến Tân-chánh-vương sai Lý-Tài lên Hóc-môn cự chiến.

Xảy có Trương-phước-Thận từ Cần-giuộc dẫn quân về tiếp. Xa trông cờ xí, Tài tưởng Đông-sơn kéo lên nên truyền quân lui lại Tây-sơn thừa thế đánh cả tới. Lý Tài cả thua, dẫn tàn quân chạy về phía Ba giồng, rồi bị Đông-sơn giết hết.

Tân-chánh-vương bỏ thành *Sài gòn*, lui xuống *Bến tranh*; còn vua Duệ-tôn thì chạy đến *Rạch-chanh*. Nguyễn-phúc-Ánh đem bốn ngàn quân Đông-sơn đến tiếp. Vua Duệ-tôn bèn lên đóng tại *Cai tài* (Tài-phụ), mà làm thế ỷ giác với Tân-chánh-vương.

Tháng tư, Tây sơn đánh Cai tài. Vua Duệ-tôn chạy xuống *Long-hưng* (Mỹ tho), rồi vào *Cần-thơ* hiệp binh cùng Mạc-thiên Tứ.

Sau trận Cai-tài, Tây sơn kéo đến đánh *Bến-tranh*. Tân-chánh-vương chạy đến *Ba-vát* (Bến-tre), dạy Tông-phước-Hựu đóng ở *Mỹ-lồng*. Thêm Lộc đóng ở *Thom*, (sử chép là Hương-đồn), còn Tông-phước-Hòa thì bảo giá.

Tháng bảy, Nguyễn-Huệ sai quân đánh Ba-vát. Tông phước Hòa tận lực chống ngăn. Qua tháng tám Nguyễn-Huệ thêm quân đánh Thom. Thiêm-Lộc chạy về Ba vát. Kẻ Tân-chánh-vương bị Tây sơn bắt được, tùng quan 18 người đều bị hại cả. Còn Tông phước Hòa thì tuẫn *« Chúa ưu thần tử »*, nên đã tự vẫn trước rồi.

Trong khi vua Duệ tôn chạy qua *Kiên giang-đạo* (Rạch-giá) vào lúc tháng sáu, do Mạc-thiên-Tứ bảo giá và Mạc-tử Dung đoạn hậu. Chẳng được mấy ngày, vua Duệ tôn để Thiên Tứ ở lại Kiên giang, còn mình thì xuống *Long xuyên-đạo* (tức là Ca mau ngày nay) để lo việc khôi-phục.

Tháng chín, Nguyễn-Huệ sai Chưởng-cơ Thành đánh Long-xuyên. Vua Duệ tôn bị bắt. Còn Nguyễn-phúc-Ánh nhờ có chiếc ghe riêng hiệu « Thủ quyền » nhỏ nhẹ đó *Tắc Thủ-khoa* (Khơm giang), nay gọi tắt là Tắc-thủ và sông *Ông-Đốc* mà thoát ra Hòn *Thổ-châu* (Poulo Panjang)

Sau khi vua Duệ-tôn và Tân-chánh-vương bị hại, Nguyễn-Huệ trở về Qui-nhơn, để bộ-tướng là bọn Tổng-đốc Châu, Tư khấu Uy và Điều-Khiển Hòa trấn đất Đồng-nai.

Tháng mười, Nguyễn-phúc-Ánh kéo quân từ hòn *Thổ-châu* vào *Cà-mau* rồi *thẳng lên Sa-đéc.*

Tháng 11 Ngài đánh phá quân của Điều-Khiển Hòa tại *Long-hồ* (Vĩnh-long). Rồi qua tháng chạp *lần thứ nhì, thành Sài-gòn được khắc phục* để chúc tôi Nguyễn-phúc-Ánh vui-vầy trở khúc khải-ca.

Sài-gòn đã thâu lại được, quân Thanh đã đại-chấn, tháng giêng năm Mậu tuất (1778), Nguyễn-phúc-Ánh bèn tự xưng Đại-nguyên-soái để cầm mối nước trong lúc tuổi vừa mười bảy.

Tháng hai, Tổng-đốc Châu đem thủy-quân đánh Trấn-biên (Biên-hòa và Phan-trấn (Gia-định). Hộ giá Phạm-Ngạn lại từ Qui-nhơn vào phụ Trần-Phụng cự chiến lại sông *Cần-giuộc* nhưng bị thua.

Tháng ba, để Đỗ-thanh-Nhân trấn-thủ Sài gòn, Đại-nguyên-soái Nguyễn-phúc-Ánh xuống *Bến-lức* (sử chép là Lứt-giang mà người ta hay đọc lầm là Lật-giang) chỉ-huy tướng-sĩ. Lê-văn-Duân và Nguyễn-văn-Hoàng suất đại-binh thắng được Tây-sơn ở Bến-lức và Gò-đen.

Tháng năm, Lê văn-Duân đem thủy-quân đánh lên. Đỗ-thanh-Nhân để binh đánh ra, chém được Tư-khấu Uy ở sông Bến-nghé.

Đồng thời, Nguyễn-văn-Hoàng đánh chợ Đồng-nai (về làng Tân-vạn, ngang cù-lao Phố) rồi lấy lại Trấn-biên.

Thế là trọn xứ Gia-định đều được bình phục và các công đường tại Trấn-biên-dinh Phan-trấn-dinh và Long-hồ-dinh bèn được đặt ra.

***

Ngót ba năm rưỡi trời, bao phen vất-vả, từ đây Nguyễn-phúc-Ánh mới được thảnh thơi, mà lo *đóng chiến thuyền, trữ quân lương* để đồ hưng-phục.

Năm Kỷ-hợi (1779). Ngài ở yên tại Sài-gòn và được may mắn tiếp Từ giá từ Quảng trị chạy vào.

Qua tháng giêng năm Canh-tí (1780). Ngài tức Vương-vị nhưng vẫn dùng niên-hiệu nhà Lê.

(Còn nữa)

LÊ-THỌ-XUÂN

ĐÃ CÓ BÁN

THƠ MÂY NGÀN

Bìa 2 màu, bìa 3 màu do họa-sĩ Mạnh Quỳnh trình bày, in toàn giấy đặc-biệt, số sách vừa đủ để hiến các nhà sành thơ

Bản giấy nghệ thuật Giá 7 $ 00
Bản giấy sốp trắng — 15 $ 00
(còn 5 bản)

QUỐC HỌC
THƯ-XÃ PHÁT-HÀNH

Đang in

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT II
(500 trang, 20.000 chữ Hán)
TRIẾT HỌC TẠP BÚT

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm-xuân-Đô phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG
bản dịch Pháp-văn của Hoàng-hữu-Xứng và A de R

Bình-phẩm-cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm...» dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại-la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Một bức thư xanh...

(Tiếp theo trang 20)

Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu gành
Sóng thu đưa lá bao ngành biệt ly

Tôi đọc mấy câu thơ thu trên đây với tất cả niềm âu yếm trân trọng; lòng vui thích không bọn một ý chế diễu nào của nhà thơ trào phúng đã điều bài « cảm thu tiễn thu » của Tản Đà:

Cây tươi tốt lá còn xanh ngắt
Bỗi đâu ra lác đác lá ngô vàng

Và nếu nhà thơ của đất Chiêm thành cũ, Chế lan Viên, này biết rằng vẫn có mùa thu rất xanh và rất xa mà thi sĩ muốn tìm. Cái mùa thu đó ở đây đang tràn ngập. Biết như thế tất thi sĩ đã khỏi bàn khoăn:

Tìm cho những nét thơ xanh cũ
Trong những tờ thơ nét vỗ vàng

Trong khi thi sĩ nhớ:

Ô hay tôi lại nhớ thu rồi...
Mùa thu rớm máu rơi từng chút
Trong lá bàng thu đỏ ngập trời.

*

Bân ạ! Ở cái miền Nam ấm áp này, mùa thu biếc cỏ xanh cây này, không cho ta sống được một mùa thu vàng vỗ tiêu điều của Bắc phương hàn lãnh, thì ta cũng đã sống trong một mùa thu tưởng tượng theo tuổi ca.

Ta vẫn thấy mùa thu vàng kia đẹp lắm: Buồn bã của không gian, tiêu điều của vạn vật, vàng vọt của cỏ cây, hiu hắt của ngọn kim phong, những tứ sầu thu cho nhỏ, tất cả những cái êm dịu đó, đã do thi nhân cảm thông mà mách lại cho người đời nó vẫn không kém đi một chút hương thu trinh bạch.

Mùa thu trong văn chương đẹp vô cùng. Man mác mà cao xa, trong trẻo mà êm đềm, mùa thu đó đã cho những người ở phương Nam này bao nhiêu là khát khao thèm muốn. Trời thu tưởng tượng đó đã quyến rũ lòng người sầu thu tha thiết.

Bây giờ tôi lại ngửi một mùi thơm lạ. Mùi thơm ngọt ngào quen thuộc chứ không phải mùi thơm hoang dại nữa.

Một giây hoa rừng leo trên cành cây bên đường. Hơi thơm của hoa hoàng lan ngát ngào nơi tôi dừng bước.

Giây là giây hoa lý mà hoa là hoa y-lăng. Những chùm hoa y-lăng rừng-rỉ này vàng một màu vàng xanh phớt gần tiếp với màu lá non. Cánh hoa to thô và cứng mọng những nhựa mạnh của lòng đất tươi nhuận.

Luyến tiếc mãi những chùm hoa không tên thơm đẹp vắt vương trên cành cao.

Lúc bấy giờ, tôi thấy nhớ-nhớ người bạn đường cô dáng cao cao đứng trội hơn tôi nửa mái đầu, đã từng chiều tôi chút ý muốn mong manh này.

Rồi tôi liên tưởng đến chiếc hoa « cánh cò » đậu trên cành mận ở vườn xưa mà hôm nọ chị đã nhổn hái cho tôi. Cái loài phong lan trinh trắng có một điểm lòng vàng mà chị đã bảo là có mùi thơm của một mái tóc.

***

Chị Bân ạ, trên đây là những ý nghĩ hoang mang khi tôi đi một vòng quanh trái núi Lăng. « Bình sơn điệp thủy » vốn là một trong mười cảnh nên thơ của Hà tiên thơ mộng cũ.

Là trái núi mà chị đã từng mượn hai câu thơ của tác giả một cái khung Mây:

Hỡi ơi! đâu bể mòn thương nhớ
Gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi!

để ngỏ cảm tưởng khi thấy lại ba đợt núi [illegible]. Núi thấp nhỏ như đã bị gió mưa mà mòn mỏi đi theo ngày tháng.

Những tình những ý trên đây hoang mang thật, nhưng mà, tôi đã cảm thấy rõ rệt và thành-thực tâm. Xin ghi lại và nhờ gió đưa sang cho chị. Đây là một chiếc lá xanh cành lên vào chỗ thu-sông bên lầu Trăng. Sao đây, chị ạ! Chị nhìn chiếc lá có thấy quen quen không?

Cầm chiếc lá tươi có chữ này, tất chị sẽ cảm-thông được lòng rạo rực bồng khuâng của chiếc nút Mộng cho vơ, tuy có mỗi môn vi thương nhớ, mà vẫn đứng ở ra xa và vẫn còn xanh xanh mãi mãi.

Hà tiên Mộng Tuyết
thất tiểu muội

Thu

(Tiếp theo trang 4)

« Tứ tự tuần hoàn xuân phục thu,
« Xâm xâm dĩ lão thiếu - niên đầu!»

四序循環春復秋
駸駸已老少年頭

Ý ngài lo rằng bốn mùa tuần hoàn, hết xuân đến hạ, hết hạ sang thu, chẳng bao lâu đầu người thiếu-niên đã thấm-thoát bạc! Nếu người ta không biết kịp thời mà tiến đạo, tu đức, làm công nọ, việc kia, thì cũng qua chỉ là sống uổng!

Xưa thu nay lại thu! Đối với câu thơ đầy ý nghĩa của nhà chiến-sĩ kiêm tôn-giáo đời Trần ấy, chúng ta không thể không để tâm suy nghĩ.

HOA-FANG

Đã có bán :

Câu chuyện văn học

của Thiếu-Sơn *Giá : 4$00*

Văn-học là tinh-hoa của nất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nhẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng-lẳng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao-siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn chương mà ông Thiếu-Sơn đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được e Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan

Tức Hoa Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0$50

NHA XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DẪN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4$00

CÁC BẠN ĐỌN ĐỌC NGÀY 10-10-1944 SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA TƯ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyền phát hành 71 Tiên tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

Sách Vở *đã có bán*

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hải Hạc dịch một quyển giáo khoa, dẫn luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách qui này có một cái « sức cảm hóa to lắm...

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4$00 cước 0 80

đang in

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. «...chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này...»

Giá 2$00 cước 0.80 Trích lời nói đầu của Tác-giả.

đã có *Hàng hóa*

ÁO ĐI M... ÍCHLAN

Bằng lụa ta, sơn ta mươi mấy năm kinh-nghiệm, nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI DAY SƠN

màu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mặc rất lâm mui xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẢM TRUYỀN THẦN

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần thật là một công-nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp.

Vị nào muốn biết nội-dung sách hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa chỉ và 0 10 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phong

Phố Yên Lưu Kinh môn Haiduong

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur : gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi